

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: KIỂM TOÁN
MÃ NGÀNH: 7340302

Thành phố Hồ Chí Minh, 2025

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	UFM	Trường Đại học Tài chính - Marketing
2	AUN-QA	ASEAN University Network – Quality Assurance bộ tiêu chuẩn chung về đánh giá chất lượng giáo dục tại các trường ĐH trong khu vực ĐNA
3	GV, SV, HV	Giảng viên, Sinh viên, Học viên
4	CTĐT	Chương trình đào tạo
5	CLC	Chất lượng cao
6	ĐH	Đại học
7	QTKD	Quản trị kinh doanh
8	TC-NH	Tài chính – Ngân hàng
9	KTKT	Kế toán Kiểm toán

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG.....	iii
DANH MỤC CÁC HÌNH	iv
PHẦN 1. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING	1
1.1. Giới thiệu sơ lược về Trường Đại học Tài chính – Marketing	1
1.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển	1
1.1.2. Các ngành, trình độ đang đào tạo.....	3
1.1.3. Thống kê số khóa và sinh viên tốt nghiệp	6
1.1.4. Đội ngũ nhân sự.....	8
1.2. Giới thiệu sơ lược về Khoa Kế toán – Kiểm toán.....	10
1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	10
1.2.2. Sứ mạng và Tầm nhìn.....	10
1.2.3. Chức năng của Khoa Kế toán – Kiểm toán.....	10
1.2.4. Cơ cấu tổ chức - Hành chính:	11
1.2.5. Hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	12
PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	16
2.1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo	16
2.1.1. Nhu cầu đào tạo, sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động đối với trình độ đại học ngành Kiểm toán hiện nay và trong thời gian tới	16
2.1.2. Khảo sát, phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực trình độ đại học ngành Kiểm toán:	17
2.1.3. Phân tích xu hướng phát triển ngành Kiểm toán trình độ đại học phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tài chính - Marketing, chiến lược quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước	27
2.2. Ngành đào tạo theo Danh mục mã ngành cấp IV được ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/BGDĐT	31

2.3. Năng lực của cơ sở đào tạo	31
2.3.1. Đội ngũ giảng viên	31
2.3.2. Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện	40
2.3.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	40
2.3.4. Công nghệ và học liệu	44
2.3.5. Hợp tác quốc tế	61
2.3.6. Hợp tác doanh nghiệp	62
2.3.7. Hợp tác đào tạo thực hành, thực tập đối với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Trường phù hợp kế hoạch giảng dạy, học tập nghiên cứu khoa học toàn khóa.....	62
2.4. Mục tiêu phát triển ngành đào tạo ngành Kiểm toán trình độ đại học.....	63
2.5. Giải pháp và lộ trình thực hiện:	63
2.5.1. Giải pháp và lộ trình xây dựng đề án mở ngành, xây dựng chương trình đào tạo	63
2.5.2. Nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu:.....	63
2.5.3. Nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo.....	63
2.5.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo	64
2.6. Phòng ngừa và xử lý rủi ro mở ngành đào tạo đại học ngành Kiểm toán	64
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH KIỂM TOÁN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	66

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Quy mô đào tạo tính đến ngày 04/11/2024	5
Bảng 1.2 Bảng thống kê số liệu sinh viên tốt nghiệp 3 năm gần nhất.....	6
Bảng 1.3 Cơ cấu giảng viên Khoa Kế toán – Kiểm toán phân theo Bộ môn	12
Bảng 1.4 Cơ cấu giảng viên Khoa Kế toán – Kiểm toán theo trình độ	12
Bảng 1.5 Quy mô tuyển sinh ngành Kế toán Chất lượng cao/Tích hợp giai đoạn 2020 - 2024.....	13
Bảng 1.6 Quy mô tuyển sinh ngành Kế toán chương trình Chuẩn	13
Bảng 1.7 Số lượng công bố của Khoa Kế toán – Kiểm toán giai đoạn 2019-2024.....	14
Bảng 1.8 Số lượng giáo trình/đề tài giai đoạn 2019-2024.....	15
Bảng 2.1 Đối tượng tham gia khảo sát	17
Bảng 2.2 Khảo sát chuyên gia phân loại theo đối tượng khảo sát.....	17
Bảng 2.3 Đặc tính mẫu khảo sát	19
Bảng 2.4 Tổng hợp kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động yêu cầu về kiến thức chuyên môn của kiểm toán viên	20
Bảng 2.5 Kết quả khảo sát yêu cầu về kỹ năng của kiểm toán viên.....	22
Bảng 2.6 Kết quả khảo sát yêu cầu về đặc điểm của kiểm toán viên	23
Bảng 2.7 Bảng khảo sát người học theo đối tượng khảo sát	25
Bảng 2.8 Khảo sát nhu cầu học ngành Kiểm toán.....	25
Bảng 2.9 Khảo sát ý định đăng ký học chương trình Kiểm toán.....	26
Bảng 2.10 Kết quả khảo sát thông tin về ngành Kiểm toán của Trường Đại học Tài chính – Marketing.....	26
Bảng 2.11 Tuyển sinh Ngành/chuyên ngành Kiểm toán của một số trường đại học	28
Bảng 2.12 Danh sách giảng viên cơ hữu đảm bảo điều kiện mở ngành Kiểm toán trình độ đại học của Trường Đại học Tài chính – Marketing.....	31
Bảng 2.13 Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo của Ngành Kiểm toán trình độ đại học	32
Bảng 2.14 Danh sách cán bộ quản lý chuyên môn và đào tạo đối với Ngành Kiểm toán.....	40
Bảng 2.15 Số liệu cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo.....	41
Bảng 2.16 Danh mục tạp chí phục vụ chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán	42
Bảng 2.17 Thống kê nguồn tài nguyên thông tin thư viện (đến tháng 06/2024).....	43

Bảng 2.18 Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán	44
Bảng 2.19 Hội thảo/Hội nghị quốc tế đã tổ chức trong 5 năm qua	61

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy Trường Đại học Tài chính – Marketing.....	9
Hình 1.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính khoa Khoa Kế toán – Kiểm toán	12
Hình 2.1. Kết quả khảo sát về nhu cầu lao động ngành Kiểm toán.....	19
Hình 2.2. Nhu cầu của học ngành Kiểm toán	25

PHẦN 1. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

1.1. Giới thiệu sơ lược về Trường Đại học Tài chính – Marketing

1.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển

Trường Đại học Tài chính - Marketing tiền thân là Trường Cán bộ vật giá Trung ương tại miền Nam, được thành lập theo Quyết định số 210/VGNN-TCĐT ngày 01/9/1976 của Ủy ban Vật giá Nhà nước. Năm 1978, Trường Cán bộ vật giá Trung ương tại miền Nam được đổi tên thành Trường Trung học Vật giá số 2 theo Quyết định số 175/VGNN-TCCB ngày 23/8/1978 của Ủy ban Vật giá Nhà nước. Năm 1992, Trường Trung học Vật giá số 2 được đổi tên thành Trường Chuyên nghiệp Marketing (theo Quyết định số 37/VGNN-TCCB ngày 13/3/1992 của Ủy ban Vật giá Nhà nước). Ngày 04/11/1994, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 641/QĐ-TTg nâng cấp Trường lên thành Trường Cao đẳng Bán công Marketing, trực thuộc Ban Vật giá Chính phủ và từ năm 2003 trở đi thì trực thuộc Bộ Tài chính.

Năm 2004, Trường được nâng cấp đào tạo trình độ đại học với tên gọi Trường Đại học Bán công Marketing, trực thuộc Bộ Tài chính, theo Quyết định số 29/2004/QĐ-TTg, ngày 05/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2009, Trường đổi tên thành Trường Đại học Tài chính – Marketing (ĐHTCM) theo Quyết định số 395/QĐ-TTg, ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2015, Trường Đại học Tài chính – Marketing được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015 – 2017 tại Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/3/2015, trở thành một trong năm trường đại học đầu tiên được giao thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ. Năm 2017, Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan sáp nhập vào Trường Đại học Tài chính - Marketing theo Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay, Trường Đại học Tài chính – Marketing là cơ sở giáo dục đại học công lập được giao quyền tự chủ toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của Luật Giáo dục đại học 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Sứ mạng của Trường đại học Tài chính – Marketing

Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

Tầm nhìn Trường Đại học Tài chính – Marketing

Đến năm 2045, Trường được xếp hạng trong top 500 trường đại học hàng đầu khu vực Châu Á (theo chuẩn xếp hạng có uy tín) và trở thành một trường đại học theo định hướng ứng dụng hàng đầu Việt Nam; đồng thời là một trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ có uy tín cao trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý của Việt Nam và khu

vực ASEAN.

Triết lý giáo dục: Thực chất – Đổi mới sáng tạo – Hội nhập

Mục tiêu phát triển của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Đến hết năm 2026, Trường Đại học Tài chính - Marketing trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng. Duy trì đạt chuẩn quốc gia cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 4 chương trình đạt chuẩn chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN- QA). Đến hết năm 2030, Trường sẽ đạt đẳng cấp Trường đại học uy tín của khu vực ASEAN. Đến hết năm 2045, Trường Đại học Tài chính - Marketing được xếp hạng trong top 500 trường đại học danh tiếng khu vực châu Á.

Các giá trị cốt lõi của Trường Đại học Tài chính – Marketing

(1) *Trọng giá trị tri thức và thượng tôn đạo đức nghề nghiệp*: Xây dựng môi trường giáo dục, khoa học - công nghệ sáng tạo, biết phát huy giá trị tri thức để đào tạo những con người vừa có năng lực chuyên môn cao, vừa là công dân có trách nhiệm xã hội.

(2) *Khuyến khích sáng tạo và nuôi dưỡng sự say mê*: Trường Đại học Tài chính - Marketing là một môi trường khuyến khích sáng tạo và đổi mới; là nơi nuôi dưỡng niềm say mê của các thế hệ cán bộ, GV, SV, HV cao học và nghiên cứu sinh. Đó là nền tảng đổi mới và tạo ra những đột phá để khẳng định thương hiệu của Trường.

(3) *Tôn trọng sự khác biệt và coi trọng hợp tác*: Sự cộng hưởng của sức mạnh hợp tác với sự khác biệt giúp Trường Đại học Tài chính - Marketing gắn kết mọi thành viên theo mục tiêu chung, tạo nên hợp lực mạnh mẽ nhất. Trường đề cao và tôn trọng tính tự chủ học thuật.

(4) *Coi trọng chất lượng và hiệu quả*: Chất lượng – hiệu quả vừa là con đường, vừa là mục tiêu phấn đấu để Trường Đại học Tài chính - Marketing đạt đến tầm quốc gia và khu vực. Chất lượng và hiệu quả được thể hiện trong mọi mặt hoạt động của Trường, trong mọi đơn vị của Trường.

Về hệ thống đảm bảo chất lượng

Trường có mạng lưới các Tổ Đảm bảo chất lượng tại các đơn vị thuộc Trường và xây dựng mô hình đảm bảo chất lượng bên trong.

- Tháng 11/2017: Trường được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục;

- Tháng 12/2019: Trường được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT đối với 2 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (QTKD, TC-NH) và 3 chuyên ngành CLC trình độ đại học (QTKD tổng hợp, Quản trị marketing, TC-NH);

- Tháng 6/2022: được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT trình độ đại học đối với 11 ngành (28 chuyên ngành);

- Tháng 4/2023, Trường được nhận được Giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục chu kỳ 2 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

- Tháng 9/2023, Trường được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT đối với 6 chuyên ngành CLC trình độ đại học (cụ thể là 3 chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần ngành Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Marketing và 3 chương trình chất lượng cao ngành Tài chính – Ngân hàng, Kế toán và Kinh doanh quốc tế).

- Tháng 9/2024: Trường được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp CTĐT đối với 5 chương trình đào tạo đại học. Trong đó, có 2 CTĐT trình độ thạc sĩ (QTKQ & TC-NH); 2 CTĐT tích hợp trình độ đại học ngành QTKD & Marketing, và 1 CTĐT trình độ đại học ngành Kinh tế.

Đến nay Trường tiếp tục xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình cải tiến chất lượng giáo dục. Và trong những năm tiếp theo, Nhà trường sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, chuẩn bị các điều kiện để nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và phấn đấu đạt tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(1) Chiến lược đổi mới mô hình quản trị gắn với chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp 4.0

(2) Chiến lược phát triển đào tạo

(3) Chiến lược phát triển khoa học – công nghệ

(4) Chiến lược phát triển dịch vụ

(5) Chiến lược liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế

(6) Chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu

(7) Chiến lược phát triển cơ sở vật chất

(8) Chiến lược đảm bảo chất lượng

(9) Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính

1.1.2. Các ngành, trình độ đang đào tạo

a) Về trình độ, hình thức và ngành nghề đào tạo

Trường Đại học Tài chính - Marketing đào tạo đa ngành, đa cấp độ với các bậc, hệ đào tạo như sau:

- Trình độ đào tạo: Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ.

- Hình thức đào tạo: chính quy; vừa làm vừa học; liên thông đại học chính quy; liên thông đại học vừa làm vừa học; văn bằng 2; đào tạo từ xa; liên kết đào tạo với nước ngoài.

- Trường tiếp tục đào tạo các chương trình: đại trà (nay gọi chương trình chuẩn), chương trình áp dụng cơ chế đặc thù (lĩnh vực du lịch), chất lượng cao (nay là chương trình tích hợp), Chương trình tiếng Anh toàn phần và liên kết quốc tế trình độ đại học và sau đại học.

- Các ngành đào tạo:

+ Đào tạo đại học chính quy:

- Chương trình chuẩn và áp dụng cơ chế đặc thù: 16 ngành với 29 chuyên ngành
 - Chương trình tích hợp: 13 chuyên ngành
 - Chương trình tiếng Anh toàn phần: 3 ngành
 - Chương trình tài năng: 1 ngành
 - Chương trình quốc tế: 6 ngành
 - + Đào tạo đại học VLVH
 - Trình độ đại học: 4 chuyên ngành
 - Liên thông đại học: 4 chuyên ngành
 - Đại học văn bằng 2: 4 chuyên ngành
 - Đào tạo từ xa: 6 ngành
 - + Đào tạo liên kết quốc tế
 - Hệ đại học: Liên kết với các Trường Đại học HELP (6 chuyên ngành), Đại học UCSI (1 ngành), Đại học Concord (3 ngành), Đại học Wisconsin – Stout (3 ngành), Đại học Thompson Rivers (2 ngành), Đại học West Of England Bristol (2 ngành), Đại học Rennes (2 ngành), Trường Rennes School Of Business (3 chuyên ngành).
 - Sau đại học: Liên kết với Trường UCSI đào tạo chương trình Tiến sĩ Quản trị kinh doanh.
 - + Đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ:
 - Trường Đại học Tài chính - Marketing đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức trao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2011 với ngành Kinh tế - Tài chính – Ngân hàng.
 - Năm 2015, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là QTKD và TC-NH. Giai đoạn đầu, Trường chỉ được cấp 190 chỉ tiêu cho hai ngành. Những năm tiếp theo, Trường tiếp tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo tín nhiệm giao thêm chỉ tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ với số lượng năm sau luôn cao hơn năm trước, cụ thể: năm 2012 với 460 chỉ tiêu; năm 2013, 2014 với 600 chỉ tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ mỗi năm; từ năm 2015, với chủ trương chung là nâng cao chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ nên Trường duy trì qui mô 300 chỉ tiêu/năm. Trong giai đoạn 2014 – 2019, số lượng HV cao học hơn 1.600 HV, với gần 900 HV tốt nghiệp, cho cả hai ngành QTKD và TC-NH.
 - Năm 2016, Nhà trường đã bắt đầu tuyển sinh trình độ tiến sĩ đầu tiên với 02 chuyên ngành QTKD và TC – NH theo chỉ tiêu cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 10 học viên mỗi ngành.
- Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo trình độ thạc sĩ với 4 ngành: TC-NH, QTKD, Marketing và Quản lý kinh tế; đào tạo trình độ tiến sĩ với 2 ngành đào tạo là TC- NH và QTKD. Đến ngày 30/6/2024, quy mô sau đại học 863 người, trong đó có 85 nghiên cứu sinh và 778 học viên cao học.

b) Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Quy mô đào tạo tính đến tháng 04/11/2024 là 41.165 người học, trong đó có 118 NCS và 778 học viên cao học, 13.102 sinh viên đại học chính quy, 1.007 sinh viên, học viên chương trình liên kết quốc tế.

Bảng 1.1. Quy mô đào tạo tính đến tháng 02/2025

STT	Trình độ đào tạo	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tháng 02/2025	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
1	Sau đại học	642	803	1.045	1.045	130,14
1.1	Tiến sĩ	73	87	118	118	135,63
1.2	Thạc sĩ	569	716	927	927	
2	Đại học					
2.1	Chính quy	17.921	17.359	16.756	16.756	
2.1.1	Chính quy tập trung	17.833	17.359	16.756	16.756	96,61
2.1.1.1	Chương trình chuẩn	9.392	8.997	8.548	8.548	
	Bất động sản	538	468	343	343	
	Công nghệ tài chính	-	52	186	186	
	Hệ thống thông tin quản lý	889	849	680	680	
	Kế toán	747	705	663	663	
	Kinh doanh quốc tế	1.070	949	893	893	
	Kinh tế	243	308	302	302	
	Luật Kinh tế	102	151	228	228	
	Marketing	1.135	1055	993	993	
	Ngôn ngữ Anh	720	730	687	687	
	Quản trị kinh doanh	1.846	1615	1487	1487	
	Tài chính - Ngân hàng	2.017	1954	1859	1859	
	Toán kinh tế	85	161	227	227	
2.1.1.2	Chương trình đặc thù	1.702	1.440	1.178	1.178	
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	555	479	400	400	
	Quản trị khách sạn	688	580	474	474	
	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	459	381	304	304	
2.1.1.3	Chương trình chất lượng cao/Tích hợp	6.406	6.523	6.546	6.546	
	Bất động sản	103	118	110	110	
	Kế toán	558	586	594	594	
	Kinh doanh quốc tế	1418	1506	1567	1567	
	Marketing	1653	1584	1587	1587	-

STT	Trình độ đào tạo	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tháng 02/2025	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
	Quản trị khách sạn	228	108	-	-	142,2
	Quản trị kinh doanh	1145	1235	1270	1270	97,61
	Tài chính - Ngân hàng	1301	1386	1418	1418	96,22
2.1.1.4	Chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần	333	352	390	390	145,16
	Kế toán	01	-	-	-	
	Kinh doanh quốc tế	125	127	138	138	
	Marketing	137	143	158	158	
	Quản trị kinh doanh	70	82	94	94	
2.1.1.5	Chương trình tài năng	-	47	94	94	
	Tài chính - Ngân hàng	-	47	94	94	
2.1.2	Liên thông chính quy	88	-	-	-	
	Kế toán	21	-	-	-	
	Kinh doanh quốc tế	31	-	-	-	
	Quản trị kinh doanh	22	-	-	-	
	Tài chính - Ngân hàng	14	-	-	-	

Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo

1.1.3. Thống kê số khóa và sinh viên tốt nghiệp

Số lượng sinh viên tốt nghiệp qua ba năm có sự gia tăng đáng kể từ năm 2021 đến năm 2022, sau đó giảm nhẹ vào năm 2023 nhưng vẫn duy trì ở mức cao hơn nhiều so với năm 2021. Sự gia tăng này thể hiện qua hầu hết các chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình đặc thù và đặc biệt. Tuy nhiên, chương trình chất lượng cao có sự biến động lớn với sự giảm nhẹ vào năm 2022 và tăng trở lại vào năm 2023. Năm 2024, chỉ tính 6 tháng đầu năm cũng cho thấy số lượng sinh viên tốt nghiệp tương đối cao so với mức tốt nghiệp của các năm trước (chi tiết tại Bảng 1.2)

Bảng 1.2 Bảng thống kê số liệu sinh viên tốt nghiệp 3 năm gần nhất

STT	Trình độ đào tạo	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tháng 02/2025	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
Tổng	Đại học	1.909	4.061	3.821	3.625	3128	86.29%
1.1	Chính quy tập trung	1.711	3.665	3.622	3.537	3109	87.90%
1.1.1	Chương trình chuẩn	1.273	2.489	2.022	2.021	1728	85.50%
	Bất động sản	36	104	81	101	75	74.26%
	Hệ thống thông tin quản lý	44	87	129	182	182	100.00%

STT	Trình độ đào tạo	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tháng 02/2025	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
	Kế toán	161	242	181	156	138	88.46%
	Kinh doanh quốc tế	205	277	278	289	174	60.21%
	Kinh tế	-	-	1	52	60	115.38%
	Marketing	211	432	258	271	248	91.51%
	Ngôn ngữ Anh	89	213	175	162	132	81.48%
	Quản trị kinh doanh	232	549	453	382	294	76.96%
	Tài chính - Ngân hàng	295	585	466	426	379	88.97%
	Toán kinh tế	-	-	-	-	17	-
	Luật kinh tế	-	-	-	-	29	-
1.1.2	Chương trình đặc thù	199	391	401	365	209	57.26%
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	39	128	123	105	61	58.10%
	Quản trị khách sạn	100	137	175	145	69	47.59%
	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	60	126	103	115	79	68.70%
1.1.3	Chương trình chất lượng cao/Tích hợp	198	717	1.160	1.094	1104	100.91%
	Bất động sản					13	14.13%
	Kế toán	10	78	86	92	90	97.83%
	Kinh doanh quốc tế	69	173	278	283	277	97.88%
	Marketing	50	167	337	283	295	104.24%
	Quản trị khách sạn	10	35	72	71	20	28.17%
	Quản trị kinh doanh	26	107	200	155	147	94.84%
	Tài chính - Ngân hàng	33	157	187	210	262	124.76%
1.1.4	Chương trình đặc biệt	21	19			-	-
	Kế toán	02	-			-	-
	Kinh doanh quốc tế	03	04			-	-
	Marketing	09	07			-	-
	Quản trị khách sạn	-	01			-	-
	Quản trị kinh doanh	06	05			-	-
	Tài chính - Ngân hàng	01	02			-	-
1.1.5	Chương trình chất lượng cao tiếng Anh toàn phần	20	49	39	57	68	119.30%
	Kế toán	-	04	02	-	-	-
	Kinh doanh quốc tế	13	27	19	21	22	104.76%
	Marketing	07	14	13	24	38	158.33%

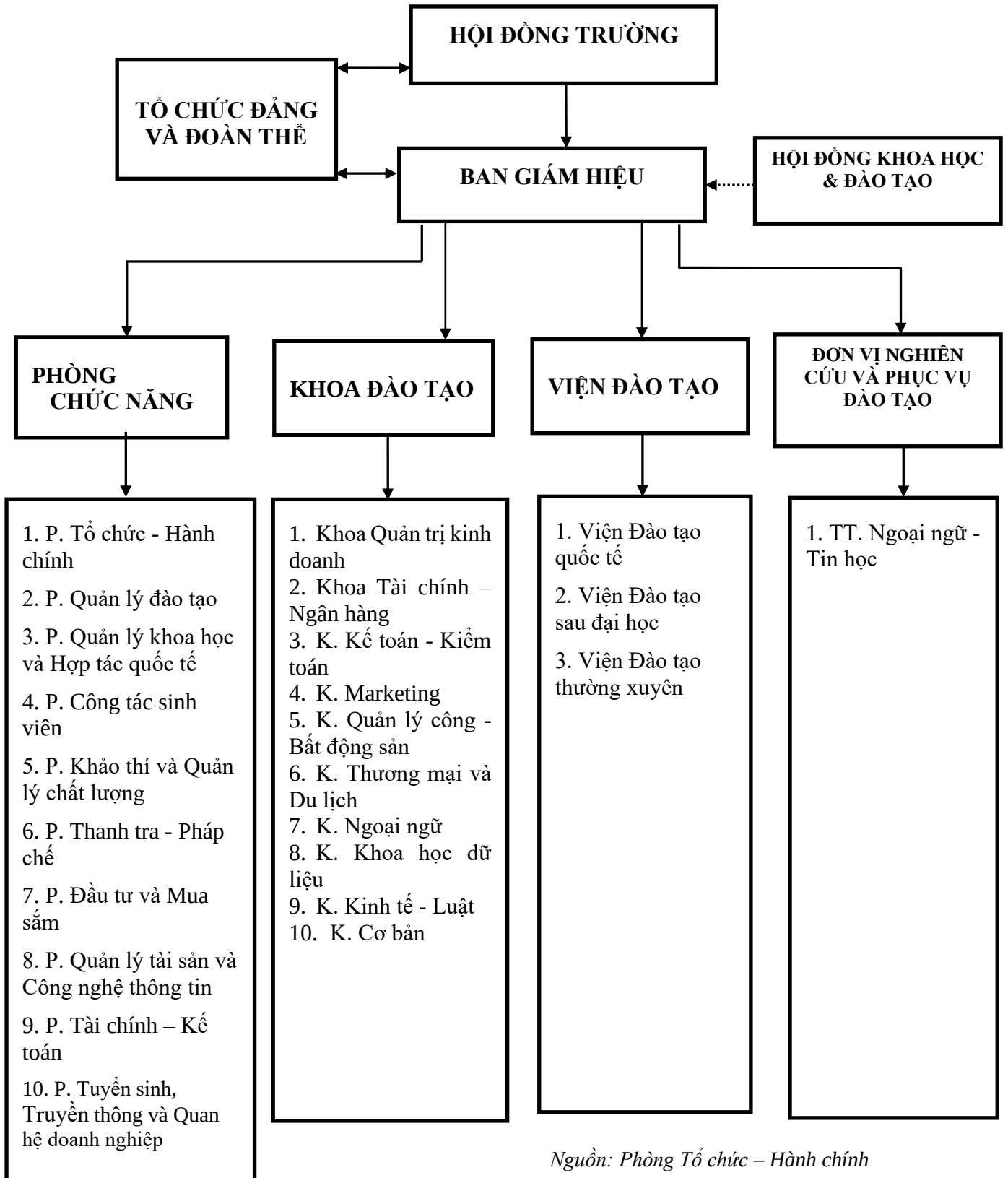
STT	Trình độ đào tạo	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tháng 02/2025	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
	Quản trị kinh doanh	-	04	05	12	8	66.67%
1.2	Liên thông chính quy	198	396	199	88	19	21.59%
	Kế toán	61	108	38	24	05	20.83%
	Kinh doanh quốc tế	35	62	73	27	04	14.81%
	Quản trị kinh doanh	40	104	36	24	06	25.00%
	Tài chính - Ngân hàng	62	122	52	13	04	30.77%

Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo, 2025

1.1.4. Đội ngũ nhân sự

Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHTCM, cơ cấu tổ chức của Trường gồm: (1) Hội đồng trường; (2) Ban Giám Hiệu; (3) Hội đồng Khoa học và Đào tạo; (4) Tổ chức Đảng và đoàn thể; (5) Các phòng, viện chức năng; (6) Các Khoa đào tạo; (7) Các đơn vị phục vụ, hỗ trợ đào tạo & nghiên cứu, đơn vị sự nghiệp; Trong đó, có tổng 10 khoa đào tạo; 10 phòng, 03 viện chức năng; 01 đơn vị phục vụ, hỗ trợ đào tạo & nghiên cứu; đơn vị sự nghiệp. (Chi tiết tại Hình 1.1).

Về đội ngũ nhân lực, tính đến ngày 28/02/2025, tổng số viên chức và lao động là 640 người (nam 285, nữ 355), trong đó viên chức là 575 và 65 lao động hợp đồng (trong đó, có 21 hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ và 44 hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ). Trong 575 viên chức, có 419 giảng viên và 156 viên chức hành chính, đạt tỷ lệ 90,7% so với chỉ tiêu số lượng người làm việc đã được phê duyệt (575/634). Trong tổng số 421 giảng viên (gồm 419 giảng viên cơ hữu và 02 giảng viên hợp đồng lao động), có 17 Phó Giáo sư, tỷ lệ 4,04%; 95 Tiến sĩ, tỷ lệ 22,56%; 300 Thạc sĩ, tỷ lệ 71,26% và 09 Đại học, tỷ lệ 2,14%. Tỷ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên là 97,86%, trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ là 27,18%. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu và viên chức hành chính trên tổng số viên chức của Trường: giảng viên: 72,87%; viên chức hành chính: 27,13%. Về cơ cấu chức danh nghề nghiệp giảng viên: 13 giảng viên cao cấp, 70 giảng viên chính, 329 giảng viên và 7 trợ giảng. Về cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính: 43 chuyên viên chính, 102 chuyên viên; 9 cán sự và tương đương, 2 nhân viên.



Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy Trường Đại học Tài chính – Marketing

1.2. Giới thiệu sơ lược về Khoa Kế toán – Kiểm toán

1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Khoa Kế toán – Kiểm toán đã được thành lập năm 2004 Căn cứ Quyết định số 06/QĐ/ĐHMK/TC ngày 27/5/2004 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bán công Marketing (nay là Trường Đại học Tài chính - Marketing). Khoa bắt đầu đào tạo chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp hệ Cao đẳng năm học 1995 -1996. Ngày 27/5/2004, Trường Cao đẳng Bán công Marketing đã được Chính phủ cho phép nâng cấp thành Trường Đại học Bán công Marketing trực thuộc Bộ Tài chính vào năm 2004. Đến năm 2009 được đổi tên thành Trường Đại học Tài chính - Marketing. Năm học 2005 – 2006, Khoa KT-KT chính thức được nhà trường giao đào tạo khóa đầu tiên hệ đại học ngành Kế toán với chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp. Do nền kinh tế phát triển, nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực đáp ứng cho các ngành nghề trở nên đa dạng và phong phú, năm 2013 Khoa mở thêm chuyên ngành Kiểm toán. Hiện nay, Khoa được nhà trường giao cho việc đào tạo các loại hình liên thông, liên kết, theo hình thức chính quy, Vừa làm - Vừa học kể cả việc liên kết đào tạo với các tỉnh bạn và CHDCND Lào.

1.2.2. Sứ mạng và Tầm nhìn

Sứ mạng: Khoa Kế toán - Kiểm toán đào tạo nguồn nhân lực ngành kế toán theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, nghiên cứu, chuyển giao những thành tựu khoa học trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tham gia hoạch định chiến lược và chính sách sách về kế toán, kiểm toán.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Khoa Kế toán - Kiểm toán trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao, tư vấn về kế toán và kiểm toán đạt đẳng cấp quốc gia và tiệm cận khu vực.

1.2.3. Chức năng của Khoa Kế toán – Kiểm toán

Khoa Kế toán – Kiểm toán có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện các công tác đào tạo, tư vấn và nghiên cứu về kế toán và kiểm toán cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu; thực hiện các chức năng quản lý đào tạo, quản lý nhân sự, quản lý sinh viên, học viên theo sự phân cấp của Hiệu trưởng. Các chức năng cụ thể là:

- Quản lý giảng viên, người lao động và sinh viên thuộc khoa theo phân cấp của hiệu trưởng;
- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;
- Xây dựng chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được trường giao nhiệm vụ;
- Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo;
- Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu,

giáo trình theo định hướng phát triển của nhà trường;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn (theo quy định hiện hành) trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và các lĩnh vực liên quan;
- Được Hiệu trưởng phân cấp quản lý và thực hiện các chương trình đào tạo chính quy ở các bậc đại học và sau đại học trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
- Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường thực hiện nghiên cứu, tư vấn về kế toán, kiểm toán và các lĩnh vực có liên quan;
- Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên trong khoa theo quy định của nhà trường;
- Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và người lao động khác thuộc khoa.
- Nghiên cứu nhu cầu đào tạo trong xã hội để xây dựng kế hoạch phát triển ngành học, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.
- Phối hợp với các đơn vị quản lý đào tạo xác định các ngành, chuyên ngành đào tạo, quy mô đào tạo, đối tượng tuyển sinh, môn học bổ túc, bổ sung kiến thức và môn thi tuyển đầu vào đối với các hình thức, chương trình, bậc đào tạo của Trường.
- Thực hiện các hoạt động hợp tác và đối ngoại trong phạm vi chức năng, quyền hạn được giao; làm đầu mối thiết lập quan hệ hợp tác với doanh nghiệp để triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của khoa phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường.
- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan xây dựng dự toán ngân sách hằng năm và kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo quy định của Trường.

1.2.4. Cơ cấu tổ chức - Hành chính:

Về cơ cấu tổ chức của Khoa Kế toán – Kiểm toán gồm:

- Hội đồng khoa: 09 thành viên.
- Lãnh đạo khoa: 01 Trưởng khoa và 01 phó trưởng khoa.
- Thư ký khoa: 02
- Các bộ môn:
 - + Bộ môn Kế toán;
 - + Bộ môn Kiểm toán.

Bảng 1.3 Cơ cấu giảng viên Khoa Kế toán – Kiểm toán phân theo bộ môn

Bộ môn	Số lượng giảng viên	Tỷ lệ (%)
Bộ môn Kế toán	25	67.57
Bộ môn Kiểm toán	12	32.43
Tổng	37	100

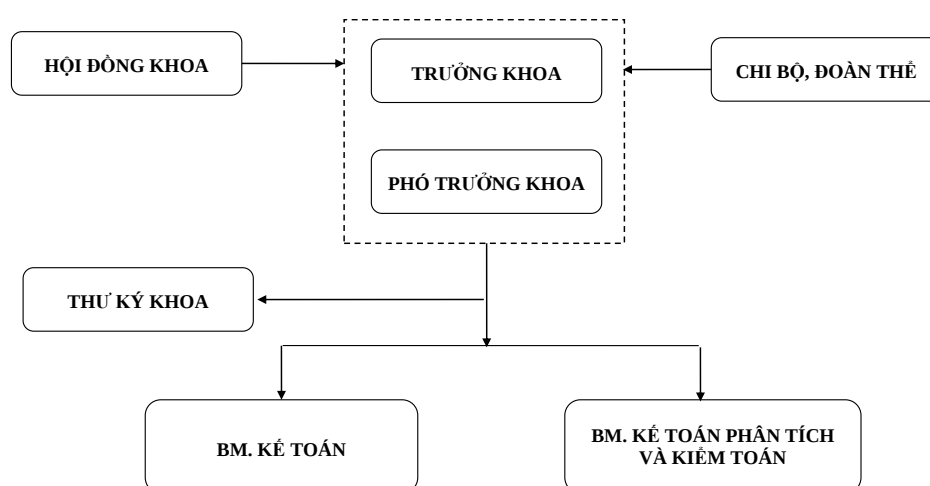
Nguồn: Báo cáo tổng kết Khoa Kế toán – Kiểm toán, 2025

Bảng 1.4 Cơ cấu giảng viên Khoa Kế toán – Kiểm toán theo trình độ

Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
PGS, tiến sĩ	01	2.70
Tiến sĩ	07	18.92
Thạc sĩ	29	78.38
Tổng	37	100

Nguồn: Báo cáo tổng kết Khoa Kế toán – Kiểm toán, 2025

Bên cạnh đó, Khoa còn có chi bộ với 17 Đảng viên, tổ chức Công đoàn bộ phận khoa và Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của Khoa. Ngoài ra, Khoa còn có câu lạc bộ (CLB) Kế toán Kiểm toán (MAAC); CLB tình nguyện Niềm tin; CLB truyền thông CMA; CLB tổ chức sự kiện EPA; Câu lạc bộ tiếng Anh CCC... Đây chính là môi trường tốt để SV rèn luyện kiến thức chuyên môn, trau dồi kỹ năng, áp dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tiễn.

**Hình 1.2 Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính khoa Khoa Kế toán – Kiểm toán**

1.2.5. Hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

❖ Hoạt động đào tạo:

Khoa Kế toán – Kiểm toán hiện nay được giao nhiệm vụ quản lý CTĐT trình độ đại học ngành Kế toán (chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp và chuyên ngành Kiểm toán). Các

CTĐT của Khoa Kế toán – Kiểm toán được xây dựng trên cơ sở những quy định do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. CTĐT được định kỳ rà soát và bổ sung, điều chỉnh và công khai theo quy định.

Thời gian qua ngành Kế toán đã đáp ứng được phần lớn các yêu cầu của xã hội và cộng đồng doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập quốc tế. Các hoạt động tư vấn học tập và hoạt động hỗ trợ người học đa dạng, thường xuyên để giúp cải thiện việc học tập và tăng cường các kỹ năng của người học; Khoa cũng đã xúc tiến các hoạt động đào tạo, nghiên cứu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên. Trong đó, ngày càng chú trọng đến chất lượng đào tạo, quy mô chương trình đào tạo không ngừng tăng lên qua các năm. Cụ thể, năm 2005, Khoa Kế toán – Kiểm toán bắt đầu đào tạo khóa đầu tiên ngành Kế toán bậc đại học chính quy. Hiện nay, Khoa Kế toán – Kiểm toán đào tạo 2 chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp và Kiểm toán. với quy mô sinh viên các khóa như sau:

Bảng 1.5 Quy mô tuyển sinh ngành Kế toán Chất lượng cao/Tích hợp giai đoạn 2020 - 2024

Năm tuyển sinh	Tên lớp (khóa)	Số lượng sinh viên	Tình trạng	Ghi chú
2020	CLC_20DKT01,02,03,04	78	Tốt nghiệp	Ngành Kế toán
2020	CLC_20DKT01,02,03,04	50	Đang đào tạo	Ngành Kế toán
2021	CLC_21DKT01,02,03,04	142	Đang đào tạo	Ngành Kế toán
2022	CLC_22DKT01,02,03,04	165	Đang đào tạo	Ngành Kế toán
2023	TH_23DKT01, 02, 03, 04	145	Đang đào tạo	Ngành Kế toán
2024	TH_24DKT01, 02, 03, 04	156	Đang đào tạo	Ngành Kế toán
Tổng	-	736	-	-

Nguồn: Báo cáo tổng kết Khoa Kế toán – Kiểm toán, 2019-2024

Khoa Kế toán – Kiểm toán cũng mở ngành đào tạo Kế toán trình độ đại học chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp và Kiểm toán thuộc chương trình Chuẩn với quy mô tuyển sinh qua các năm như sau:

Bảng 1.6 Quy mô tuyển sinh ngành Kế toán chương trình Chuẩn và Chất lượng cao/Tích hợp giai đoạn 2020 - 2024

Năm tuyển sinh	Tên lớp (khóa)	Số lượng sinh viên	Tình trạng	Ghi chú
2020	Khóa 20	188	Tốt nghiệp	Chương trình chuẩn
2020	Khóa 20	144	Tốt nghiệp	Chương trình chất lượng cao
2021	Khóa 21	205	Tốt nghiệp	Chương trình chuẩn

Năm tuyển sinh	Tên lớp (khóa)	Số lượng sinh viên	Tình trạng	Ghi chú
2021	Khóa 21	156	Tốt nghiệp	Chương trình chất lượng cao
2022	Khóa 22	186	Đang đào tạo	Chương trình chuẩn
2022	Khóa 22	167	Đang đào tạo	Chương trình chất lượng cao
2023	Khóa 23	148	Đang đào tạo	Chương trình chuẩn
2023	Khóa 23	153	Đang đào tạo	Chương trình chất lượng cao
2024	Khóa 24	141	Đang đào tạo	Chương trình chuẩn
2024	Khóa 24	156	Đang đào tạo	Chương trình tích hợp

Nguồn: Báo cáo tổng kết Khoa Kế toán – Kiểm toán, 2019-2024

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, có 475 sinh viên các ngành đào tạo đang theo học tại Khoa Kế toán – Kiểm toán.

Ngoài những môn học giảng dạy cho sinh viên thuộc các chuyên ngành của Khoa. Khoa còn đảm nhận giảng dạy những học phần khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành cho sinh viên tất cả các ngành đào tạo trong trường như Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính. Do đó, hàng năm Khoa đảm nhận khoảng hơn 10% tổng số tiết giảng cho Nhà trường. Số giờ giảng bình quân mỗi giảng viên đảm nhận hàng năm hơn 540 giờ/năm.

Ngoài ra, đội ngũ giảng viên của Khoa còn tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học cho các hệ đào tạo sau đại học của Trường Đại học Tài chính - Marketing và một số trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.

❖ **Nghiên cứu khoa học:**

Hàng năm, đội ngũ giảng viên của Khoa công bố hàng chục bài báo trên các tạp chí Khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong danh mục ISI, Scopus, ...

Bảng 1.7 Số lượng công bố của Khoa Kế toán – Kiểm toán giai đoạn 2019-2024

Năm	Số bài báo quốc tế	Số bài báo trong nước	Số bài hội thảo khoa học các cấp
2019	20	08	15
2020	23	10	23
2021	18	06	25
2022	25	21	40
2023	21	35	39
2024	12	16	11
Tổng	119	126	153

Nguồn: Báo cáo tổng kết Khoa Kế toán – Kiểm toán, 2019-2024

Thêm vào đó, từ năm 2019 đến nay tập thể giảng viên Khoa Kế toán – Kiểm toán đã

tham gia thực hiện 07 đề tài cấp Tỉnh/Bộ, 21 đề tài cấp trường. Biên soạn, nghiệm thu và đưa vào sử dụng 12 giáo trình. Cụ thể Bảng 1.8.

Bảng 1.8 Số lượng giáo trình/đề tài giai đoạn 2019-2024

Năm	Giáo trình/tài liệu học tập	Đề tài cấp cơ sở (chủ nhiệm)	Đề tài cấp bộ (tham gia)
2019	02	03	02
2020	02	03	02
2021	03	05	01
2022	03	04	01
2023	02	06	01
2024	02	03	01
Tổng	14	23	08

Nguồn: Báo cáo tổng kết Khoa Kế toán – Kiểm toán, 2019-2024

Ngoài ra, hàng năm nhiều hội thảo khoa học từ cấp Khoa, Cấp trường và cấp Tỉnh được Ban lãnh đạo Khoa chủ trì tổ chức để chia sẻ các kết quả nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm về các vấn đề kế toán và kiểm toán giữa các nhà khoa học... thông qua các hội thảo khoa này uy tín khoa học của Khoa ngày càng được nâng lên, góp phần vào nâng cao uy tín của Nhà trường.

PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

2.1.1. Nhu cầu đào tạo, sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động đối với trình độ đại học ngành Kiểm toán hiện nay và trong thời gian tới

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định, đến năm 2045, nước ta sẽ trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Để hiện thực hóa mục tiêu này, cần phát triển lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước. Trong 5 năm tới, đột phá về phát triển nguồn nhân lực được xác định cụ thể là: *“Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng GD&ĐT gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo”* (Văn kiện Đại hội lần thứ XIII, 2021). Do đó, trong giai đoạn hội nhập sâu và toàn cầu hoá nền kinh tế thì nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Kiểm toán ngày càng trở nên cần thiết hơn. Vai trò đội ngũ các kiểm toán viên có ý nghĩa quyết định đến tăng cường tính minh bạch của thông tin, từ đó giúp cho cơ chế thị trường phát triển mạnh mẽ.

Thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội ngày 09 tháng 01 năm 2023: đến 2030: phát triển nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực thuộc nhóm 10 quốc gia có hệ thống giáo dục đại học tốt nhất châu Á. Tỷ lệ sinh viên đại học đạt 260 trên 1 vạn dân. Tuy nhiên, theo dự báo của trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP HCM thì từ 2020 đến 2025-2030, nhu cầu nhân lực cần qua đào tạo bình quân chiếm 85%. Trong tổng nhu cầu nhân lực qua đào tạo, nhóm ngành nghề kỹ thuật công nghệ chiếm tỉ trọng cao nhất là 35%, kế đến là nhóm ngành Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng – Pháp luật – Hành chính chiếm tỉ trọng 33%. Trên cơ sở đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo thống kê một số nhóm ngành đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 cần nhiều nhân lực trình độ đại học có thể kể đến như: (1) Khoa học máy tính, An toàn thông tin, Truyền thông đa phương tiện; (2) Công nghệ Cơ khí – Tự động hóa, Điện – Điện tử; (3) Công nghệ thực phẩm, Công nghệ Sinh học, Công nghệ Nông – Lâm – Ngư; (4) Kiến trúc, Xây dựng, Môi trường, Mỹ thuật ứng dụng; (5) Kinh tế – Thương mại, Du lịch và lữ hành, Nhà hàng – Khách sạn; (6) Y, Dược, Chăm sóc sức khỏe – Chăm sóc sắc đẹp; (7) Sư phạm giáo dục, Tâm lý - Xã hội... Có thể thấy nhu cầu nhân lực khối ngành Kinh tế nói chung chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nói chung.

Ngành Kiểm toán bắt đầu hình thành ở Việt Nam từ đầu những năm 1990. Từ giai đoạn hình thành đến nay, ngành Kiểm toán đã trải qua các giai đoạn phát triển với nhiều dấu ấn nổi bật. Ở giai đoạn phát triển đầu tiên (1990- 1995), với vai trò là ngôn ngữ, công cụ để kết nối thị trường Việt Nam với thị trường thế giới, sự phát triển của Kiểm toán gắn với sự phát triển của doanh nghiệp nước ngoài với nhu cầu báo cáo tài chính cần được kiểm toán, góp phần hỗ trợ không nhỏ cho việc thu hút FDI, hỗ trợ các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam. Ở giai đoạn tiếp theo (1996- 2001), ngành kiểm toán gắn với quá trình chuyển đổi và mở cửa khu vực kinh tế Nhà nước. Trong giai đoạn này, các dịch vụ kiểm toán, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị được phát triển mạnh mẽ do có nhiều doanh nghiệp Nhà

nước được cổ phần hóa, chuyển đổi vốn chủ sở hữu, niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giai đoạn phát triển thứ ba (từ năm 2001 đến nay), ngành kiểm toán đã có sự phát triển mạnh mẽ gắn với sự phát triển ở cả ba khu vực: doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế tư nhân. Các doanh nghiệp càng phát triển thì nhu cầu về kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập sẽ càng tăng. Kiểm toán còn là bước khởi đầu của những lãnh đạo tài chính và kinh doanh thông qua quá trình làm việc trong môi trường năng động và đòi hỏi hiệu quả làm việc cao. Vì thế, trong tương lai, nghề kiểm toán rất rộng và nhu cầu nguồn nhân lực kiểm toán ngày càng cao; dễ dàng tìm được việc làm có thu nhập hấp dẫn trong mọi điều kiện của nền kinh tế.

2.1.2. Khảo sát, phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực trình độ đại học ngành Kiểm toán:

Nhằm để điều tra thực tế nhu cầu lao động Kiểm toán trình độ đại học, nhóm nghiên cứu của Khoa Kế toán – Kiểm toán đã tiến hành khảo sát các chuyên gia, cơ quan, doanh nghiệp (các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước), các đơn vị sự nghiệp công lập... từ tháng 8/2024 đến tháng 9/2024. Loại hình các đơn vị và đối tượng trả lời khảo sát được trình bày trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1 Đối tượng tham gia khảo sát

STT	Đối tượng khảo sát	Số lượng
1	Chuyên gia	40
2	Đơn vị sử dụng lao động (Cơ quan hành chính nhà nước, cơ sở giáo dục, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp...)	51
3	Người học tiềm năng	372
Tổng		463

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả, 2024

a) Khảo sát chuyên gia

Nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát 40 chuyên gia bao gồm những người đang làm việc ở các cơ sở đào tạo đại học, viện nghiên cứu về yêu cầu kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm khi hoàn thành chương trình đại học ngành Kiểm toán. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng khảo sát được trình bày trong Bảng 2.2 dưới đây:

Bảng 2.2 Khảo sát chuyên gia phân loại theo đối tượng khảo sát

STT	Lĩnh vực chuyên môn của người khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Cơ sở giáo dục, đào tạo; viện nghiên cứu	15	37,5
2	Cơ quan hành chính nhà nước	20	50,0
3	Đơn vị sự nghiệp công lập	03	7,5

STT	Lĩnh vực chuyên môn của người khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ (%)
4	Doanh nghiệp	02	5,0
	Tổng	40	100,0
	Chức vụ, vị trí công tác của người khảo sát		
1	Công chức nhà nước ngạch chuyên viên	08	20,0
2	Trưởng phó phòng và tương đương trở lên	32	80,0
	Tổng	40	100,0
	Trình độ chuyên môn		
1	Tiến sĩ	05	12,5
2	Thạc sĩ	10	25,0
3	Cử nhân	25	62,5
	Tổng	40	100,0

Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả

Ngoài ý kiến nhận định về nhu cầu nhân lực rất cao đối với ngành Kiểm toán trình độ đại học, các chuyên gia còn cho rằng: kiến thức về kế toán, kiểm toán; kiến thức chuyên sâu về quy trình kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán và các phương pháp kiểm toán hiện đại; khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm toán; kỹ năng hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá rủi ro kiểm toán, kiểm soát nội bộ,...cùng với việc chỉ ra những đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kiểm toán là rất cần thiết. Có thể thấy, công tác giáo dục đào tạo kiểm toán hiện nay chưa theo kịp sự phát triển của ngành nghề, vẫn còn thiên về lý thuyết, thiếu các tình huống thực tiễn và kỹ năng thực hành, đặc biệt là việc cập nhật các xu hướng kiểm toán hiện đại như kiểm toán số và kiểm toán dựa trên dữ liệu lớn.

Với yêu cầu về các kiến thức, kỹ năng và thái độ mà cử nhân Kiểm toán cần đạt được khi tốt nghiệp, các chuyên gia cũng cho rằng: Người học phải biết vận dụng các kiến thức về kiểm toán, kế toán, tài chính và quản lý vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và tổ chức, điều này phản ánh mong muốn của đơn vị sử dụng lao động đối với cử nhân ngành Kiểm toán trong việc áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế công việc. Một điểm đáng chú ý trong kết quả khảo sát ý kiến chuyên gia là kỳ vọng cao về năng lực tư duy phản biện và khả năng phát hiện, phân tích rủi ro tài chính – kế toán, đề xuất giải pháp kiểm soát nội bộ và nâng cao tính minh bạch trong báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, cử nhân ngành Kiểm toán cần có khả năng lập kế hoạch kiểm toán, tổ chức thực hiện các cuộc kiểm toán một cách hiệu quả, phát hiện sai sót và gian lận trong báo cáo tài chính, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, các chuyên gia cũng nhấn mạnh rằng sinh viên ngành Kiểm toán cần phát triển khả năng cập nhật các chuẩn mực kế toán – kiểm toán quốc tế, theo dõi những thay đổi về chính sách tài chính, thuế và quy định pháp lý liên quan. Các kết quả khảo sát này thể hiện hai định hướng đào tạo ngành Kiểm

toán là đáp ứng nhu cầu nhân lực cho cả khu vực công (kiểm toán nhà nước, cơ quan quản lý) và khu vực tư (công ty kiểm toán độc lập, doanh nghiệp).

b) Khảo sát đơn vị sử dụng lao động

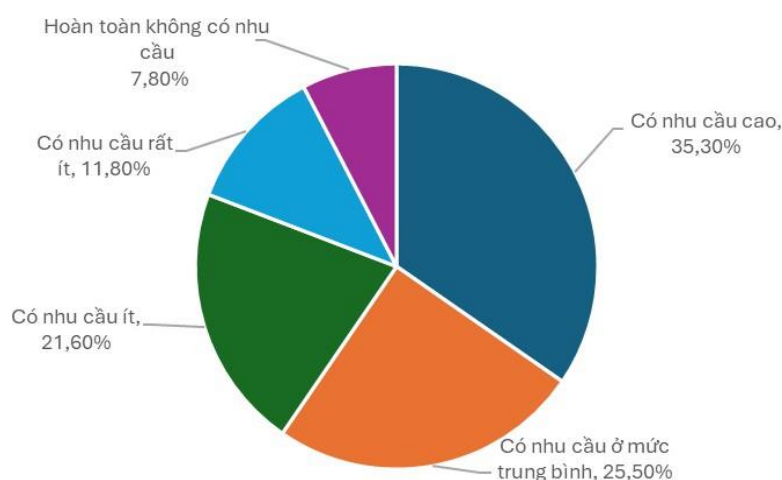
Mẫu khảo sát: Tổng số đơn vị sử dụng lao động được khảo sát 60 đơn vị, trong đó, số phiếu trả lời nhận được là 51. Các đơn vị được khảo sát bao gồm các cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập ... Loại hình các đơn vị và đối tượng trả lời khảo sát được trình bày trong Bảng 2.3 dưới đây:

Bảng 2.3 Đặc tính mẫu khảo sát

Loại hình đơn vị	Số lượng	Tỉ lệ %
Cơ quan hành chính nhà nước	21	41,2%
Doanh nghiệp tư nhân	12	23,5%
Doanh nghiệp có vốn nước ngoài	04	7,8%
Đơn vị sự nghiệp công lập	04	7,8%
Cơ sở giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	02	3,9%
Doanh nghiệp nhà nước	01	2%
Khác	07	13,7%
Tổng	51	100%

Nguồn: nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2024

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động còn cho thấy, nhìn chung các đơn vị đều có nhu cầu lao động về Kiểm toán (chiếm 92,2%). Trong đó, tỉ lệ đơn vị có nhu cầu cao và nhu cầu ở mức trung bình chiếm lần lượt là 35,3% và 25,5%; có nhu cầu ít và rất ít lần lượt là 21,6 và 11,8%. Với nhận định này có thể thấy các đơn vị vẫn đang trong quá trình nhận định tầm quan trọng của Kiểm toán. Trong quá trình phát triển kinh tế và hội nhập thì vai trò quan trọng của Kiểm toán sẽ được nhìn nhận rõ ràng, cụ thể hơn.



Nguồn: nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2024

Hình 2.1 Kết quả khảo sát về nhu cầu lao động ngành Kiểm toán

Yêu cầu về kiến thức chuyên môn

Đối với kiến thức chuyên môn, hầu hết các đơn vị được khảo sát đều cho rằng, các kiến thức chuyên môn cần thiết và rất cần thiết (từ 90% trở lên) đối với kiểm toán viên là các kiến thức mà nhóm nghiên cứu đã đề xuất, như: “Có kiến thức pháp luật liên quan đến kế toán – kiểm toán” được 43,1% ý kiến cho rằng kiến thức này ở mức “rất cần thiết”; kế đến là khả năng “Vận dụng được những kiến thức về kế toán, kiểm toán và pháp luật có liên quan vào thực tiễn nghề nghiệp”, và “Hiểu và vận dụng tốt các nguyên tắc, phương pháp kiểm toán vào thực tiễn công việc” được 41,2% ý kiến đánh giá ở mức “rất cần thiết”. Tuy nhiên, kiến thức “Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận triết học Mác– Lênin”, và “Có khả năng vận dụng phương pháp luận triết học Mác-Lênin vào thực tiễn và nghiên cứu” lại không được nhiều đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao, thậm chí có ý kiến còn cho rằng “không cần thiết”. Kết quả chi tiết được trình bày trong Bảng 2.4.

Bảng 2.4 Tổng hợp kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động yêu cầu về kiến thức chuyên môn của kiểm toán viên

Nội dung khảo sát	Rất cần thiết	Khá cần thiết	Cần thiết vừa phải	Ít cần thiết	Không cần thiết	Tổng
Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận triết học Mác– Lênin	17,6%	19,6%	52,9%	7,8%	2%	100%
Có khả năng vận dụng phương pháp luận triết học Mác-Lênin vào thực tiễn và nghiên cứu	11,8%	29,4%	49%	7,8%	2%	100%
Vận dụng được những kiến thức về kế toán, kiểm toán và pháp luật có liên quan vào thực tiễn nghề nghiệp	41,2%	39,2%	19,6%	0	0	100%
Hiểu và vận dụng tốt các nguyên tắc, phương pháp kiểm toán vào thực tiễn công việc	41,2%	39,2%	19,6%	0	0	100%
Có thể sử dụng các công cụ phân tích định tính và định lượng để xây dựng, đánh giá, phân tích, lựa chọn và kiểm soát các chiến lược kiểm toán, kế hoạch kiểm toán, quy trình kiểm toán; thực hiện kiểm toán, giám sát và đánh giá việc quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính và phi tài chính của đơn vị theo vùng, lãnh thổ và theo ngành, đảm bảo tuân thủ quy định pháp lý, chuẩn mực kế toán – kiểm toán và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp	37,3%	47,1%	15,7%	0	0	100%

Nội dung khảo sát	Rất cần thiết	Khá cần thiết	Cần thiết vừa phải	Ít cần thiết	Không cần thiết	Tổng
Có thể tổng hợp, hệ thống hóa, luận giải các vấn đề lý thuyết, đưa ra một cách tiếp cận mới, chỉ ra được những đóng góp mới về lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kiểm toán	33,3%	45,1%	19,6%	2%	0	100%
Có kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, tổ chức thực thi và đánh giá các dự án kiểm toán, kế toán và tài chính; đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán – kiểm toán, quy định pháp lý và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp; đồng thời vận dụng các phương pháp phân tích, đánh giá rủi ro và kiểm soát nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức.	35,3%	51%	13,7%	0	0	100%
Có kiến thức pháp luật liên quan đến kế toán – kiểm toán	43,1%	37,3%	19,6%	0	0	100%
Hiểu biết về quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và tác động của nó đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán; nắm vững các chuẩn mực kế toán – kiểm toán quốc tế (IFRS, ISA), các quy định pháp lý liên quan, cũng như xu hướng phát triển của ngành trong bối cảnh toàn cầu hóa; có khả năng phân tích, đánh giá và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế	31,4%	35,3%	31,4%	2%	0	100%

Ngoài ra, bên cạnh những kiến thức nêu trên, một số ý kiến khảo sát được còn cho thấy, kiến thức cần có ở kiểm toán viên là: cập nhật thường xuyên các xu hướng và biến động trong lĩnh vực tài chính - kế toán - kiểm toán, cũng như những thay đổi về chính sách và quy định pháp lý trong và ngoài nước; kiến thức chuyên sâu về quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm toán hoạt động, và ứng dụng công nghệ trong kiểm toán như trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn.

Kết quả nghiên cứu này rất quan trọng để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Yêu cầu về kỹ năng

Các nhà sử dụng lao động cũng đặt ra các yêu cầu về kỹ năng đối với kiểm toán viên, kết quả khảo sát cũng cho thấy tất cả các kỹ năng đều được đánh giá ở mức độ cần thiết và rất cần thiết với tỷ lệ từ 98% (Kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân; Kỹ năng sử dụng tốt các phần mềm văn phòng; các phần mềm thống kê và phân tích định

lượng (Excel, EViews, SPSS, stata; và Kỹ năng làm việc độc lập và tự nghiên cứu, khám phá) đến 100% (ở các kỹ năng còn lại).

Bảng 2.5 thể hiện các ý kiến khảo sát đều đánh giá mức độ cần thiết rất cao đối với các kỹ năng mà nhóm nghiên cứu đề xuất như kỹ năng xử lý tình huống; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng giao tiếp tốt, giao tiếp được bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn với trình độ tối thiểu tương đương chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu; Khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức ... trong đó kỹ năng xử lý tình huống được đánh giá ở mức rất cần thiết với tỉ lệ cao nhất 54,9%.

Bảng 2.5 Kết quả khảo sát yêu cầu về kỹ năng của kiểm toán viên

Nội dung khảo sát	Rất cần thiết	Khá cần thiết	Cần thiết vừa phải	Ít cần thiết	Không cần thiết	Tổng
Kỹ năng lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động kiểm toán	43,1%	39,2%	17,6%	0	0	100%
Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch và tổ chức thực thi các quy trình kiểm toán, kiểm soát nội bộ và tuân thủ quy định pháp lý	39,2%	39,2%	19,6%	0	0	100%
Khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức	43,2%	41,2%	15,7%	0	0	100%
Kỹ năng vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp	41,2%	37,3%	21,6%	0	0	100%
Kỹ năng xử lý tình huống	54,9%	37,3%	7,8%	0	0	100%
Kỹ năng thuyết trình và giao tiếp với đồng nghiệp; có thể trao đổi về các vấn đề thuộc lĩnh vực Kiểm toán với những người có hoặc không có am hiểu về lĩnh vực	39,2%	45,1%	15,7%	0	0	100%
Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, bằng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông	43,1%	41,2%	15,7%	0	0	100%

Nội dung khảo sát	Rất cần thiết	Khá cần thiết	Cần thiết vừa phải	Ít cần thiết	Không cần thiết	Tổng
Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	41,2%	43,1%	15,7%	0	0	100%
Kỹ năng làm việc nhóm	45,1%	43,1%	11,8%	0	0	100%
Kỹ năng làm việc độc lập và tự nghiên cứu, khám phá	43,1%	43,1%	11,8%	2%	0	100%
Kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân	41,2%	41,2%	15,7%	2%	0	100%
Kỹ năng sử dụng tốt các phần mềm văn phòng; các phần mềm thống kê và phân tích định lượng (Excel, EViews, SPSS, Stata)	41,1%	37,3%	19,6%	2%	0	100%
Kỹ năng giao tiếp tốt, giao tiếp được bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn với trình độ tối thiểu tương đương chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu	45,1%	43,1%	11,8%	0	0	100%

Ngoài ra, bên cạnh những kiến thức nêu trên, một số ý kiến khảo sát được còn cho thấy, kiến thức cần có ở kiểm toán viên là: kỹ năng giao tiếp; sự chủ động và năng động để tham gia vào các hoạt động kiểm toán và giải quyết vấn đề..

Yêu cầu về đặc điểm kiểm toán viên

Về đặc điểm của kiểm toán viên, kết quả khảo sát cho thấy trong 9 đặc điểm được nêu ra thì có tới 7 đặc điểm được đối tượng khảo sát đánh giá ở mức độ cần thiết đến rất cần thiết với tỷ lệ từ 100%. Chỉ riêng đặc điểm “tự tin, linh hoạt, chính trực, nhiệt tình, kiên trì, say mê, sáng tạo” và “Có lòng trung thành với tổ chức” thì có 2% số ý kiến khảo sát cho rằng ít cần thiết, còn lại 98% đánh giá cần thiết đến rất cần thiết.

Bảng 2.6 Kết quả khảo sát yêu cầu về đặc điểm của kiểm toán viên

Nội dung khảo sát	Rất cần thiết	Khá cần thiết	Cần thiết vừa phải	Ít cần thiết	Không cần thiết	Tổng
Tự tin, linh hoạt, chính trực, nhiệt tình, kiên trì, say mê, sáng tạo...	47,1%	37,3%	13,7%	2%	0	100%

Nội dung khảo sát	Rất cần thiết	Khá cần thiết	Cần thiết vừa phải	Ít cần thiết	Không cần thiết	Tổng
Có lối sống tích cực.	43,1%	33,3%	23,5%	0	0	100%
Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm, đáng tin cậy	45,1%	45,1%	9,8%	0	0	100%
Tuân thủ kỷ luật của tổ chức, tác phong làm việc chuyên nghiệp.	43,1%	43,1%	13,7%	0	0	100%
Có trách nhiệm công dân, tôn trọng pháp luật	45,1%	45,1%	9,8%	0	0	100%
Có tư duy đổi mới	49%	41,2%	9,8%	0	0	100%
Có lòng trung thành với tổ chức	47,1%	37,3%	13,7%	2%	0	100%
Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi	47,1%	43,1%	9,8%	0	0	100%
Sống và làm việc có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng.	47,1%	41,2%	11,7%	0	0	100%

Kết quả khảo sát đặc điểm của kiểm toán viên giúp ích rất nhiều trong việc định hướng giảng dạy và rèn luyện kỹ năng cho người học trong quá trình tổ chức đào tạo sau này. Đặc biệt đặc điểm “Có tư duy đổi mới” được người sử dụng lao động đánh giá ở mức độ “rất cần thiết” cao nhất (49%), cũng như đặc điểm trung thực, cẩn thận, trách nhiệm, đáng tin cậy; Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi; và Có trách nhiệm công dân, tôn trọng pháp luật những đặc điểm được người sử dụng đánh giá ở “khá cần thiết” và “rất cần thiết” ở mức rất cao (trên 90%).

Kết luận: Từ những kết quả khảo sát trên, trong đào tạo ngành Kiểm toán, Nhà trường cần xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với nhu cầu ngày càng cao về kiến thức chuyên môn kiểm toán, chuẩn mực kế toán quốc tế, quy định pháp lý, khả năng ngoại ngữ và các kỹ năng nghề nghiệp. Đồng thời, chương trình cần chú trọng rèn luyện tư duy phản biện, khả năng phân tích, đánh giá rủi ro và đạo đức nghề nghiệp nhằm giúp sinh viên tự tin đưa ra ý kiến chuyên môn, đề xuất giải pháp kiểm toán phù hợp với thực tiễn. Việc này không chỉ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động mà còn góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kiểm toán, thúc đẩy tính minh bạch tài chính, hỗ trợ sự phát triển bền vững của nền kinh tế và tăng cường vị thế của ngành kiểm toán Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Khảo sát về nhu cầu của người học tiềm năng

Nhóm tác giả thu thập được ý kiến của 373 người học tiềm năng (với 10 câu hỏi bao gồm các câu hỏi đóng và câu hỏi nhiều lựa chọn) về nhu cầu, mục đích, thời gian yêu cầu chuẩn đầu ra của cử nhân Kiểm toán trình độ đại học. Đối tượng khảo sát bao gồm học

sinh trung học phổ thông và sinh viên đang chuẩn bị nhập học tại các trường đại học có đào tạo khối ngành kinh tế. Đặc điểm mẫu khảo sát cụ thể trong Bảng 2.7.

Bảng 2.7 Bảng khảo sát người học theo đối tượng khảo sát

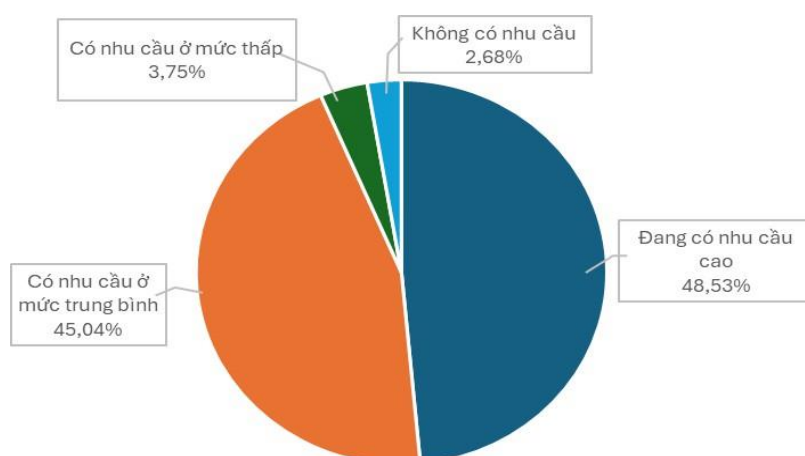
STT	Khu vực làm việc của người khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Học sinh trung học phổ thông	123	32,98
2	Sinh viên	250	67,02
	Tổng	373	100,00

Bảng 2.7 cho thấy, tỷ lệ người học tiềm năng được khảo sát đang là sinh viên đang làm thủ tục nhập học chiếm tỷ lệ cao 67,02% và đối tượng học sinh phổ thông chiếm tỷ lệ 32,98%. Khảo sát đối tượng người học tiềm năng về nhu cầu học ngành Kiểm toán. Kết quả chi tiết ở bảng 2.8.

Bảng 2.8 Khảo sát nhu cầu học ngành Kiểm toán

Nội dung trả lời	Số người trả lời	Tỷ lệ
Đang có nhu cầu cao	181	48,53
Có nhu cầu ở mức trung bình	168	45,04
Có nhu cầu ở mức thấp	14	3,75
Không có nhu cầu	10	2,68
Tổng	373	100%

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhu cầu người học đăng ký học ngành Kiểm toán là có thực (97,32%). Trong đó có 48,53% số người học được khảo sát đang có nhu cầu cao, 45,04% người học có nhu cầu ở mức trung bình, 3,75% có nhu cầu ở mức thấp và chỉ có 2,68% là không có nhu cầu.



Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2024

Hình 2.2 Nhu cầu của học ngành Kiểm toán

Tuy nhiên, khi khảo sát về ý định đăng ký học chương trình Kiểm toán thì tương đối thấp (chỉ có 23,59% người học có nhu cầu ngay; 18,23% là dự định sẽ học trong thời gian tới, 30,29% là không có nhu cầu). Kết quả này hoàn toàn hợp lý vì do người học chưa được biết thông tin về ngành Kiểm toán, cũng như Nhà trường chưa mở ngành này, cho nên người học chưa có ý định đăng ký.

Bảng 2.9 Khảo sát ý định đăng ký học chương trình Kiểm toán

Nội dung trả lời	Số người trả lời	Tỷ lệ
Có nhu cầu ngay	88	23,59
Dự định sẽ học trong thời gian tới.	68	18,23
Đang cân nhắc	104	27,88
Không	113	30,29
Tổng	373	100%

Bảng 2.10 cho thấy kết quả khảo sát về nguồn thông tin về ngành Kiểm toán mà người học nhận được. Câu hỏi này người học được lựa chọn nhiều đáp án. Và kết quả cho thấy phần lớn các ý kiến khảo sát cho rằng nhận thông tin tuyển sinh về ngành Kiểm toán chủ yếu thông qua các phương tiện truyền thông (37,9%), các chương trình tư vấn tuyển sinh (31,7%) và từ khi nhận được phiếu khảo sát (31,5%). Thông tin nhận được từ bạn bè là 11,6%, từ người thân là 5,6%, trong khi đó bản thân người học tự tìm hiểu chiếm 22,8%. Như vậy, những ngành học mới rất cần các chương trình tuyển sinh thông qua tư vấn và truyền thông hiệu quả.

Bảng 2.10 Kết quả khảo sát thông tin về ngành Kiểm toán của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Nguồn thông tin	Số người trả lời	Tỷ lệ
Từ các chương trình tư vấn tuyển sinh	118	31,7%
Từ các phương tiện truyền thông	141	37,9%
Tự tìm hiểu	85	22,8%
Từ bạn bè	43	11,6%
Từ người thân	21	5,6%
Từ khi nhận được phiếu này	117	31,5 %
Khác	15	4%

Có thể kết luận nhu cầu nhân lực ngành Kiểm toán của thị trường lao động vẫn đang rất cần. Do vậy, việc mở ngành Kiểm toán để đào tạo là cần thiết, đáp ứng nhu cầu lao động phục vụ cho sự nghiệp phát triển hội nhập kinh tế của khu vực phía Nam nói riêng và cả nước nói chung.

2.1.3. Phân tích xu hướng phát triển ngành Kiểm toán trình độ đại học phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tài chính - Marketing, chiến lược quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước

a) Xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới và Việt Nam

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng tất yếu, tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế, chính trị, và xã hội của mỗi quốc gia cũng như toàn thế giới. Đặc biệt, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, Việt Nam không chỉ có cơ hội tiếp cận các thành tựu khoa học – công nghệ tiên tiến mà còn đối mặt với nhiều thách thức lớn như nguy cơ tụt hậu về năng lực cạnh tranh, sự gia tăng thất nghiệp do tự động hóa, cũng như yêu cầu ngày càng cao về minh bạch tài chính và quản lý rủi ro. Đối với lĩnh vực kiểm toán, sự thay đổi này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng công nghệ hiện đại trong kiểm toán số, kiểm toán tuân thủ, và kiểm toán hoạt động nhằm đáp ứng các chuẩn mực quốc tế và nhu cầu của thị trường lao động.

Chính vì vậy, việc đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế là một nhu cầu cấp bách. Xây dựng đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn sâu, nắm vững các chuẩn mực kế toán – kiểm toán quốc tế (IFRS, ISA), có khả năng sử dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), và các công cụ phân tích nâng cao là yếu tố quan trọng giúp nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong kiểm toán. Đồng thời, đội ngũ kiểm toán viên cần có khả năng đánh giá, tư vấn và tham mưu trong việc xây dựng chính sách tài chính, quản trị rủi ro cũng như đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán mà còn góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

b) Mở ngành Kiểm toán trình độ đại học là phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Trường Đại học Tài chính – Marketing là một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực uy tín cho Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, trong đó có đào tạo các nhà quản lý, đã được thực tế khẳng định trong suốt lịch sử phát triển của Trường và được định hướng tập trung đào tạo nguồn nhân lực quản lý chất lượng cho Thành phố, các cơ quan Ban, Ngành. Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013 - 2020 và định hướng đến năm 2030 được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo Quyết định số 2772/QĐ-BTC ngày 12/11/2013 xác định: ĐHTCM đào tạo nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn hội nhập thế giới, nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh và quản lý, góp phần phát triển đất nước; tham gia hoạch định chiến lược và chính sách cho Ngành Tài chính, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội. Đến năm 2017, để phù hợp yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong tình hình mới, Trường đã kiến nghị và được Bộ Tài chính chấp thuận cho phép sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển Trường, trong đó, xác định mục tiêu phát triển ĐHTCM đến năm 2020 trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng, đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có ít nhất 02 chương trình đạt chuẩn đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA). Đến năm 2030, Trường đạt đẳng cấp một trường đại học tiên tiến của khu vực Đông Nam Á (Chiến lược phát triển ĐHTCM giai đoạn 2013 - 2020 và định hướng đến năm 2020 sửa đổi, bổ sung).

Nghị quyết số 47/NQ-ĐHTCM-HĐT, ngày 17 tháng 10 năm 2022 Phê duyệt Chiến lược phát triển ĐHTCM giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045, khẳng định ĐHTCM có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội, nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Đến năm 2045, Trường được xếp hạng trong top 500 trường đại học hàng đầu khu vực Châu Á (theo chuẩn xếp hạng có uy tín) và trở thành một trường đại học theo định hướng ứng dụng hàng đầu Việt Nam; đồng thời là một trung tâm nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ có uy tín cao trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý của Việt Nam và khu vực ASEAN.

Như vậy, việc mở ngành Kiểm toán trình độ đại học không chỉ phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội, mà còn là phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

c) Sự phù hợp của ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán đối với phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước

Có thể khẳng định rằng nhu cầu về nguồn nhân lực trong lĩnh vực kiểm toán là rất lớn. Chính vì vậy, để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho thị trường lao động các trường Đại học trên cả nước thực hiện tuyển sinh ngành Kiểm toán. Cụ thể như sau:

Bảng 2.11 Tuyển sinh Ngành/chuyên ngành Kiểm toán của một số trường đại học

STT	Tên trường	Ngành/Chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Kiểm toán/Kiểm toán và phân tích dữ liệu	7340302	Ngành mới tuyển sinh năm 2025
2	Đại học Kinh tế TP.HCM	Kiểm toán	7340302	200 (năm 2024)
3	Trường Đại học Thương Mại	Kiểm toán	7340302	100
4	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Kiểm toán	7340302	Ngành mới tuyển sinh năm 2025
5	Học viện Ngân hàng	Kiểm toán	7340302	
6	Học viện Tài chính	Kiểm toán	7340301C22	230 (năm 2024)
7	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kiểm toán	7340302	120 (năm 2024)
8	Đại học Cần Thơ	Kiểm toán	7340302	80 (năm 2024)

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Để chủ động trong việc phát triển đội ngũ quản lý trong lĩnh vực kiểm toán, việc xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu là điều cần thiết nhằm trang bị cho họ những

kiến thức nền tảng, hiện đại và có hệ thống về kiểm toán, kế toán và quản lý rủi ro. Mục tiêu của chương trình là đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán có kiến thức chuyên môn sâu rộng, có khả năng nhận diện, phân tích, truyền đạt và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, quy trình và chuẩn mực kiểm toán để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực này. Đồng thời, chương trình cũng tạo điều kiện để người học có thể tiếp tục nghiên cứu và học tập ở trình độ cao hơn. Người học sẽ được trang bị các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về kiểm toán tài chính, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán nội bộ, cũng như các chuẩn mực và quy định pháp lý trong lĩnh vực kiểm toán. Họ sẽ nắm vững phương pháp quản lý hoạt động kiểm toán trong các tổ chức kiểm toán công (Kiểm toán Nhà nước, kiểm toán nội bộ trong khu vực công...) và tư nhân (kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ doanh nghiệp, kiểm toán công nghệ thông tin,...). Những kiến thức này là nền tảng quan trọng giúp nâng cao chất lượng kiểm toán, góp phần đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả trong báo cáo tài chính và quản trị doanh nghiệp.

Việc mở ngành Kiểm toán trình độ đại học hoàn toàn phù hợp với định hướng chiến lược của Trường, nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành cơ sở đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng đầu trong cả nước, đồng thời khẳng định uy tín trong khu vực về lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán. Vì vậy, việc mở ngành đào tạo đại học ngành Kiểm toán phù hợp với quy hoạch tổng thể trong đào tạo, kế hoạch phát triển ngành/chuyên ngành, cũng như sứ mệnh, chức năng và nhiệm vụ của Trường. Ngành học này gắn liền với việc thực hiện chiến lược phát triển của Trường và của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế, tài chính và kiểm toán trong nước và quốc tế.

Với những lý do nêu trên, việc đào tạo đại học ngành Kiểm toán của Trường là hết sức cần thiết, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực hiện tại và lâu dài trong lĩnh vực kiểm toán, kế toán và quản trị tài chính cho khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận nói riêng và cả nước nói chung. Đồng thời, chương trình đào tạo này sẽ giúp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kiểm toán, đáp ứng các yêu cầu về minh bạch tài chính, quản trị rủi ro và tuân thủ quy định trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng.

Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt đội ngũ kiểm toán viên có chuyên môn cao ở nước ta vẫn còn phổ biến, đặc biệt là nhân sự làm việc trong các cơ quan kiểm toán nhà nước, các Sở, Ban, Ngành tại Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố và các địa phương. Trên thực tế, nhiều cán bộ đang công tác trong lĩnh vực kiểm toán, kế toán và tài chính chưa được đào tạo bài bản về kiểm toán theo chuẩn mực quốc tế, khiến họ gặp khó khăn trong việc thích ứng với các yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập tài chính quốc tế. Sự thiếu hụt này không chỉ nằm ở số lượng mà còn ở chất lượng nhân sự, khi nhiều cán bộ kiểm toán chưa đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, kỹ năng phân tích, kiểm soát rủi ro và đảm bảo minh bạch tài chính trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ. Chính vì vậy, các cơ quan Trung ương, địa phương, các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng và công ty kiểm toán độc lập đều rất chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về kiểm toán cho chiến lược phát triển dài hạn của mình, đảm bảo đội ngũ kiểm toán viên có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ kiểm toán một cách hiệu quả, minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực

quốc tế.

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước nhưng tỷ lệ lao động qua đào tạo cũng chỉ chiếm 36,9%, do vậy tình trạng thiếu hụt nhân lực của địa phương này rất phổ biến. Theo dự báo của Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh, nhu cầu nhân lực được đào tạo đại học trở lên có xu hướng ngày càng tăng (nhu cầu nhân lực trình độ đại học trở lên năm 2022 chiếm 20,9% tổng nhu cầu nhân lực và tỷ lệ này dự kiến năm 2023 là 21,29%) (Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và Thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh, 2022).

Do đó, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ kiểm toán viên có chuyên môn cao, là chức năng và nhiệm vụ quan trọng của các cơ sở giáo dục đại học. Đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán trong bối cảnh mới cần đáp ứng nhu cầu xã hội với những yêu cầu ngày càng đa dạng, phức tạp và phù hợp với sự phát triển của công nghệ, các chuẩn mực tài chính – kế toán quốc tế và đặc thù của từng ngành, lĩnh vực. Các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính, cũng như các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính – kiểm toán ở các cấp đều cần nhân sự có hiểu biết sâu rộng về kiểm toán, có kỹ năng công nghệ thông tin để ứng dụng trong kiểm toán số, kiến thức chuyên môn về kế toán – kiểm toán, quản trị rủi ro, tuân thủ pháp lý, cùng với khả năng phân tích, đánh giá và dự báo tài chính. Bên cạnh đó, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh tốt cũng là yếu tố quan trọng giúp kiểm toán viên có thể làm việc trong môi trường quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập. Do vậy, các cơ sở giáo dục đại học cần xây dựng và triển khai các chương trình, đề án đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực kiểm toán, đặc biệt chú trọng đến các ngành mũi nhọn như kiểm toán tài chính, kiểm toán nội bộ, kiểm toán công, kiểm toán công nghệ thông tin và kiểm toán môi trường. Các chương trình đào tạo này phải được thiết kế phù hợp với nhu cầu thực tiễn của cơ quan kiểm toán nhà nước, doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ngân hàng và các tổ chức tài chính nhằm đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của ngành kiểm toán trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số.

Trường Đại học Tài chính – Marketing mở ngành đào tạo Kiểm toán là một hướng đi đúng đắn, phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động trong lĩnh vực tài chính – kiểm toán. Đây sẽ là một ngành học ở bậc đại học trang bị cho người học khối lượng kiến thức và kỹ năng cần thiết để đáp ứng nhu cầu lao động tại các doanh nghiệp kiểm toán, tổ chức tài chính – ngân hàng, doanh nghiệp, các cơ quan kiểm toán nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các trung tâm tư vấn tài chính – kiểm toán. Đồng thời, chương trình đào tạo cũng tạo điều kiện để sinh viên có thể đảm nhận nhiều vị trí khác nhau trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán, quản trị tài chính và quản lý rủi ro tại các tổ chức công và tư.

Như vậy, có thể nói chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán tại Trường Đại học Tài chính – Marketing có tính cấp thiết cao, gắn liền với nhu cầu nhân lực của địa phương, vùng và cả nước. Chương trình này không chỉ góp phần cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động mà còn tạo điều kiện cho sinh viên tiếp tục học tập, nghiên cứu chuyên sâu ở các bậc học cao hơn. Do đó, việc mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán là một yêu cầu tất yếu và cần thiết, góp phần đào tạo những kiểm toán viên có năng lực chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu minh bạch tài chính

và quản lý hiệu quả trong bối cảnh nền kinh tế đang không ngừng phát triển và hội nhập quốc tế.

2.2. Ngành đào tạo theo Danh mục mã ngành cấp IV được ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/BGDĐT

Ngành Kiểm toán trình độ đại học đã được cấp mã ngành đào tạo theo Thông tư số 09/2022/BGDĐT ngày 07/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Mã ngành là: 7340302.

2.3. Năng lực của cơ sở đào tạo

2.3.1. Đội ngũ giảng viên

Hiện nay, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có ngành phù hợp để đảm bảo điều kiện mở ngành và duy trì ngành Kiểm toán trình độ đại học. Đội ngũ giảng viên của trường có khả năng đảm nhận các môn học trong chương trình đào tạo ngành Kiểm toán trong đó Khoa Kế toán – Kiểm toán là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc đào tạo. Số giảng viên cơ hữu có khả năng đảm nhận mở ngành đào tạo đại học ngành Kiểm toán, như sau:

Bảng 2.12 Danh sách giảng viên cơ hữu đảm bảo điều kiện mở ngành Kiểm toán trình độ đại học của Trường Đại học Tài chính – Marketing

Số TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Ngô Nhật Phương Diễm		Tiến sĩ, 2019	Kế toán	Chịu trách nhiệm chung về xây dựng và thực hiện chương trình
2	Tô Thị Đông Hà		Tiến sĩ, 2023	Luật kinh tế	Chịu trách nhiệm chủ trì giảng dạy khối kiến thức đại cương
3	Ngô Thị Hồng Giang		Tiến sĩ, 2024	Quản lý kinh tế	Chịu trách nhiệm chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành
4	Trần Thị Phương Lan		Tiến sĩ, 2023	Kế toán	Chịu trách nhiệm chủ trì giảng dạy khối kiến thức ngành
5	Dương Hoàng Ngọc Khuê		Tiến sĩ, 2020	Kế toán	Chịu trách nhiệm chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành
6	Trần Hồng Vân		Tiến sĩ, 2015	Kế toán	Chịu trách nhiệm chủ trì giảng dạy khối kiến thức bổ trợ ngành và tốt nghiệp

Nguồn: Phòng Tổ chức - Hành chính

**Bảng 2.13 Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo của Ngành
Kiểm toán trình độ đại học**

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
1	Ngô Nhật Phương Diễm	Kiểm toán căn bản	Năm 2			3	0	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo
		Kế toán điều tra	Năm 3	2.1	0.9			
		Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	Năm 4	2.1	0.9			
2	Tô Thị Đông Hà	Luật kinh doanh	Năm 2	3	0			Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy khối kiến thức đại cương
		Pháp luật đại cương	Năm 2	2.1	0.9			
3	Ngô Thị Hồng Giang	Kinh tế học vi mô	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành
		Kinh tế học vĩ mô	Năm 1	2.1	0.9			
4	Trần Hồng Vân	Kế toán tài chính	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy khối kiến thức bổ trợ ngành.
		Kế toán tài chính nâng cao	Năm 2	3	0			
		Kế toán tài chính theo IFRS nâng cao	Năm 3	2.1	0.9			
		Lập báo cáo tài chính quốc tế nâng cao	Năm 4	2.1	0.9			
5	Dương Hoàng Ngọc Khuê	Kế toán điều tra	Năm 3	2.1	0.9	3	0	Giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành
		Kiểm toán nội bộ	Năm 3	2.1	0.9	2.1	0.9	

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
6	Đỗ Thị Thanh Huyền	Triết học Mác - Lênin	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Năm 1	2.1	0.9			
7	Bùi Minh Nghĩa	Triết học Mác - Lênin	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Năm 1	2.1	0.9			
		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Năm 1	2.1	0.9			
8	Phạm Thanh Vân	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Năm 3	2.1	0.9			
9	Nguyễn Thị Túy	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Năm 2	2.1	0.9			
10	Mạch Ngọc Thủy	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
11	Hồ Thị Thanh Trúc	Pháp luật đại cương	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Luật kinh doanh	Năm 2	2.1	0.9			
12	Huỳnh Nguyên Thu	Tiếng Anh trong kinh doanh	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	Năm 1	2.1	0.9			tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
13	Nguyễn Thị Châu Ngân	Tiếng Anh trong kinh doanh	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	Năm 1	2.1	0.9			
14	Võ Thị Bích Khuê	Toán kinh tế	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Kinh tế lượng	Năm 2	2.1	0.9			
15	Nguyễn Tuấn Duy	Toán kinh tế	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Kinh tế lượng	Năm 2	2.1	0.9			
16	Trương Xuân Hương	Năng lực số	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
17	Huỳnh Ngọc Thành Trung	Năng lực số	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
18	Trần Văn Hùng	Kinh tế học vi mô	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Kinh tế học vĩ mô	Năm 1	2.1	0.9			tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
19	Ngô Thị Mỹ Thúy	Nguyên lý kế toán	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Kế toán tài chính theo IFRS	Năm 2	2.1	0.9			
20	Chu Thị Thương	Nguyên lý kế toán	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
21	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Nguyên lý Marketing	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Hành vi khách hàng	Năm 3	2.1	0.9			
22	Nguyễn Văn Thịnh	Nguyên lý Marketing	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
23	Tô Anh Thơ	Quản trị học	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	Năm 3	2.1	0.9			
24	Phạm Hồng Hải	Quản trị học	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	Năm 3	2.1	0.9			

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
25	Trần Thị Thanh Nga	Tài chính tiền tệ	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Phân tích tài chính doanh nghiệp	Năm 3	2.1	0.9			
26	Nguyễn Minh Phúc	Tài chính tiền tệ	Năm 1	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Phân tích tài chính doanh nghiệp	Năm 3	2.1	0.9			
		Tài chính doanh nghiệp	Năm 2	2.1	0.9			
27	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Tài chính doanh nghiệp	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
28	Nguyễn Thị Kim Chi	Thuế	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Phát triển bền vững	Năm 4	2.1	0.9			
29	Nguyễn Thế Khang	Thuế	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Phát triển bền vững	Năm 4	2.1	0.9			
		Tài chính công	Năm 2	2.1	0.9			
30	Trương Đình Hải Thụy	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Phân tích dữ liệu cho kế toán	Năm 3	2.1	0.9			tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào
31	Thái Thị Ngọc Lý	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Phân tích dữ liệu cho kế toán	Năm 3	2.1	0.9			
32	Trần Xuân Hằng	Tài chính công	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
33	Dư Thị Chung	Hành vi khách hàng	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
34	Lương Thị Thanh Việt	Kế toán tài chính	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Kế toán công	Năm 3	2.1	0.9			
35	Phạm Huỳnh Lan Vi	Kế toán công	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Kế toán tài chính nâng cao	Năm 2	2.1	0.9			
36	Nguyễn Thị Minh Hằng	Kiểm toán căn bản	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào
		Kiểm toán nâng cao	Năm 2	2.1	0.9			

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Kiểm toán hoạt động	Năm 4	2.1	0.9			tạo
37	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Kiểm toán nâng cao	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
38	Trần Thị Phương Lan	Kế toán quản trị	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia chủ trì giảng dạy khối kiến thức ngành
		Kế toán quản trị nâng cao	Năm 3	2.1	0.9			
39	Trương Thảo Nghi	Kế toán quản trị	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
40	Dương Thị Thùy Liên	Kế toán quản trị nâng cao	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
41	Nguyễn Minh Hằng	Kế toán tài chính theo IFRS	Năm 2	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Lập Báo cáo tài chính quốc tế	Năm 3	2.1	0.9			
		Lập Báo cáo tài chính quốc tế nâng cao	Năm 4	2.1	0.9			
42	Nguyễn Kim Quốc Trung	Kế toán tài chính theo IFRS nâng cao	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
								phần trong chương trình đào tạo
43	Lê Hải Mỹ Duyên	Lập Báo cáo tài chính quốc tế	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
44	Phan Thị Bích Ngọc	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	Năm 4	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Kiểm toán hoạt động	Năm 4	2.1	0.9			
45	Ung Hiền Nhã Thi	Kiểm toán nội bộ	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo
		Kiểm toán báo cáo tài chính	Năm 3	2.1	0.9			
46	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Kiểm toán báo cáo tài chính	Năm 3	2.1	0.9			Giảng viên cơ hữu phù hợp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

2.3.2. Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện

Khoa Kế toán – Kiểm toán xây dựng đề án theo sự phân công của Ban Giám hiệu.

Chương trình đào tạo này sẽ được thực hiện triển khai kể từ khóa tuyển sinh năm 2025, được đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Khoa Kế toán – Kiểm toán chịu trách nhiệm triển khai đào tạo theo kế hoạch đào tạo theo từng năm/học kỳ.

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần và hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chi tiết học phần. Đối với những học phần tự chọn, tùy theo tình hình thực tiễn Khoa chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên lựa chọn học phần phù hợp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế. Người học không đủ điều kiện để đánh giá kết quả đạt học phần sẽ phải đăng ký học lại học phần đó.

**Bảng 2.14 Danh sách cán bộ quản lý chuyên môn và đào tạo
đối với ngành Kiểm toán**

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Trần Hồng Vân, 28/02/1977 Trưởng Khoa Kế toán – Kiểm toán	Tiến sĩ, 2015	Kế toán	
2	Dương Hoàng Ngọc Khuê, 01/6/1980 Phó trưởng khoa Kế toán - Kiểm toán	Tiến sĩ, 2019	Kế toán	

Nguồn: Khoa Kế toán – Kiểm toán

2.3.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

❖ **Hệ thống phòng học, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu**

Trường đã từng bước hoàn thiện về cơ sở vật chất, có kế hoạch đầu tư cụ thể nhằm tăng diện tích phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phục vụ người học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành. Với nguồn lực hiện có, Trường luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành, v.v... phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác.

Bảng 2.15 Số liệu cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5	2.942	Các môn lý thuyết	HK 1– HK3	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	18	3.073	Các môn lý thuyết	HK 1 – HK3	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	156	10.676	Các môn lý thuyết	HK 1 – HK3	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	2	77	Các môn lý thuyết	HK 1 – HK3	
1.5	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	46	3.108			
2	Thư viện, trung tâm học liệu	5	3.745			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	376	20.377			Phòng thực hành máy tính, phòng đa năng, phòng thực hành chuyên ngành khoa Du lịch, thực hành khoa Quản trị kinh doanh

Nguồn: Phòng Quản lý tài sản và công nghệ thông tin

Hiện nay, Trường và các khoa chuyên môn đảm nhận giảng dạy CTĐT ngành Kiểm toán trình độ đại học có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành. Các lớp của chương trình được bố trí, sắp xếp lịch giảng dạy và học tập tại các cơ sở của Trường, gồm các cơ sở tại quận Phú Nhuận, Quận 7 và thành phố Thủ Đức với các phòng học có sức chứa từ 56m² đến 81m².

Trang thông tin điện tử công khai các nội dung theo quy định:
<https://khoaketoan.ufm.edu.vn>.

❖ **Thư viện**

Thư viện truyền thống:

Hiện nay, Thư viện của Trường được đặt tại 04 cơ sở với diện tích khoảng 4.753m². Nhằm phục vụ công tác giảng dạy và đào tạo bậc sau đại học, Thư viện Trường cung cấp các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; các giáo trình, tài liệu học tập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; các khoá luận tốt nghiệp đã bảo vệ của các khóa trước đạt điểm cao để đáp ứng nhu cầu tham khảo của sinh viên.

Bảng 2.16 Danh mục tạp chí phục vụ chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán

STT	Tên tạp chí	Cơ quan chủ quản	Mã ISSN	Ghi chú
A	Tạp chí dạng in ấn			
1	Kinh tế và Dự báo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1859-4972	
2	Kinh tế & Phát triển	Đại học Kinh tế Quốc dân	1829-0012	
3	Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới	Viện Kinh tế Chính trị thế giới	0868 - 2984	
4	Nghiên cứu Kinh tế	Viện Kinh tế Việt Nam	0866-7489	
5	Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2615-9104	
6	Thời báo kinh tế Sài Gòn	Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh	0868-3344	
7	Triết học	Viện Triết học	0866-7632	
8	Tạp chí Kinh tế, Luật và Ngân hàng	Học viện Ngân hàng	3030-4199	
9	Tạp chí Quản lý & Kinh tế quốc tế	Đại học ngoại thương	2615-9848	
10	Journal of Economics and Banking studies	Học viện Ngân hàng	2734-9853	
11	Tạp chí thương mại	Đại học thương mại	1859-2666	
B	Tạp chí điện tử			
1	CSDL Sage			
2	CSDL Emerald			

STT	Tên tạp chí	Cơ quan chủ quản	Mã ISSN	Ghi chú
3	CSDL ScienceDirect			
4	CSDL IEEE Xplore Digital Library			
5	CSDL Springer Nature			

Nguồn: Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế

Thư viện điện tử

Nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin khoa học của giảng viên và sinh viên, từ năm 2017, Thư viện phối hợp đã đăng ký sử dụng và khai thác gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nasati) để giúp bạn đọc truy cập mọi cơ sở dữ liệu khoa học trong nước và quốc tế, bao gồm: STD-Tài liệu KH&CN Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, ScienceDirect, ProQuest Central, IEEE Xplore Digital Library, SpringerNature....

Ngoài ra, Thư viện tham gia hệ thống Thư viện Điện tử dùng chung cho các Cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam chuyên sâu khối ngành kinh tế, kinh doanh, quản lý; là thành viên của hệ thống Thư viện được sử dụng các cơ sở dữ liệu: 02 CSDL tạp chí điện tử là Sage và Emerald; 03 CSDL sách điện tử là IG Publishing, Springer và Elsevier.

Bảng 2.17 Thống kê nguồn tài nguyên thông tin thư viện (đến năm 2024)

STT	Loại tài liệu	Số lượng		Ghi chú
		Số tựa	Số bản	
I	Tài liệu dạng in			
1	Sách, chuyên đề tốt nghiệp	20.486	60.849	
2	Luận văn Thạc sĩ	2.937	2.988	
3	Luận án Tiến sĩ	18	18	
4	Báo - tạp chí	42	42	
II	Tài liệu số			
1	Sách, nghiên cứu khoa học	168		
2	Luận văn Thạc sĩ	2.107		
3	Luận án Tiến sĩ	18		
4	Chuyên đề tốt nghiệp	345		
5	Cơ sở dữ liệu			
5.1	Sage			
5.2	Emerald			
5.3	Elsevier			

STT	Loại tài liệu	Số lượng		Ghi chú
		Số tựa	Số bản	
5.4	Springer			
5.5	IG Publishing			
5.6	Gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nasati), bao gồm: STD-Tài liệu KH&CN Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, ScienceDirect, ProQuest Central, IEEE Xplore Digital Library, SpringerNature ...;			
5.7	Dịch vụ tra cứu nâng cao các văn bản luật Việt Nam			
5.8	Các CSDL truy cập mở			

Nguồn: Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế

2.3.4. Công nghệ và học liệu

❖ Công nghệ

Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đào tạo và hỗ trợ người học nhằm cải thiện trải nghiệm học tập, nâng cao hiệu quả giảng dạy, và tối ưu hóa quản lý giáo dục. Nhà trường có hệ thống học tập trực tuyến và e-learning cho phép giảng viên và người học quản lý tài liệu học tập, bài tập, và theo dõi tiến độ giảng dạy học tập. Công cụ hội thảo trực tuyến như Zoom, Microsoft Teams hỗ trợ giảng dạy và học tập từ xa, tổ chức các buổi thảo luận nhóm và các lớp học trực tuyến. Hệ thống tự động hóa hỗ trợ các công việc quản lý hành chính như đăng ký môn học, đánh giá và quản lý hồ sơ người học. Việc áp dụng công nghệ không chỉ giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập mà còn giúp người học tiếp cận tốt hơn cho môi trường làm việc hiện đại.

❖ Học liệu

Bảng 2.18 Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ chương trình đào tạo đại học ngành Kiểm toán

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Triết học Mác – Lênin
	Những nguyên lý triết học	Nguyễn Thế Nghĩa	Chính trị quốc gia Sự thật		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	Thường thức về Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia Sự thật	2024	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo Dục và Đào Tạo	Chính trị Quốc gia sự thật	2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Nguyễn Phú Trọng	Chính trị quốc gia Sự thật	2022	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Chính trị Quốc gia	2021	
	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốa	2021	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
	Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 1 – 15	Hồ Chí Minh	Chính trị Quốc gia	2011	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Võ Nguyên Giáp	Chính trị Quốc gia	2017	
6	Đại cương về nhà nước và pháp luật	Đào Trí Úc- Hoàng Thị Kim Quế	ĐHQG Hà Nội	2023	Pháp luật đại cương
	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị quốc gia Sự thật	2023	
7	Business Partner – Student’s book – A2+.	O’Keeffe, M., Landford, L., Wright, R. (et al)	Pearson	2019	Tiếng Anh trong kinh doanh
	Business Vocabulary in Use – Pre – Intermediate.	Mascull, B.	Cambridge	2017	
8	Business Partner – Student’s book – B1	Dubicka, I., O’Keeffe, M., Dignen, B., Hogan, M., & Wright, L.	Pearson	2019	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	Business Vocabulary in Use – Intermediate	Bill, M	Cambridge	2017	
9	Năng lực số	Đỗ Văn Hùng và cộng sự	Đại học Quốc gia Hà Nội	2022	Năng lực số
	Excel Power Query và Power Pivot Cơ bản – Tự động hóa dữ liệu báo cáo	Nguyễn Quang Vinh	Văn hóa Thông tin	2023	
	Giáo trình Tin học ứng dụng	Trương Thành Công và cộng sự	Tài Chính	2023	
	Digital Literacies and Interactive Media. A Framework for Multimodal Analysis	Earl Aguilera	Routledge Research in Literacy Education	2023	
10	Toán cơ sở cho kinh tế	Nguyễn Huy Hoàng	Tài Chính	2024	Toán kinh tế
	Toán cao cấp	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính	2018	
	Toán dành cho kinh tế và quản trị	Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính	2018	
	Applied Calculus For Business, Economics	Laurence D. Hoffmann, Gerald L. Bradley	Mc. Graw - Hill Companies	2010	
11	Kinh tế học vi mô	PGS.TS Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên)	Tài chính	2024	Kinh tế học vi mô
	Principles of Microeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	
12	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên)	Tài chính	2022	Kinh tế học vĩ mô
	Principles of Macroeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	
13	Nguyên lý kế toán	TS. Ngô Thị Mỹ Thúy và cộng sự	Tài chính	2022	Nguyên lý kế toán
	Bài tập Nguyên lý kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán	Lưu hành nội bộ	2020	
	Nguyên lý kế toán	Trần Văn Thuận và cộng sự	Đại học Kinh tế Quốc dân	2021	
14	Nguyên lý Marketing	Dư Thị Chung và tập thể tác giả	Tài chính	2024	Nguyên lý Marketing
	Marketing căn bản	Ngô Thị Thu và cộng sự		2011	
	Principles of Marketing	Kotler, P.,		2023	

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Armstrong, G., & Balasubramanian, S.			
15	Quản trị học	TS Cảnh Chí Hoàng	Tài chính	2021	Quản trị học
16	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính	TS. Trần Thị Thanh Nga	Tài chính	2024	Tài chính – Tiền tệ
	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính	TS. Trần Thị Thanh Nga	Tài chính	2024	
17	Giáo trình Luật Kinh tế	TS. Phạm Thị Huyền Sang	Đại học Vinh	2023	Luật kinh doanh
	Luật Kinh tế	TS. Nguyễn Thị Dung	Tư pháp	2022	
18	Thuế 1	TS. Lê Quang Cường - TS. Nguyễn Kim Quyển	Kinh tế	2023	Thuế
	Giáo trình Thuế	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu	Đại học Quốc gia Hà Nội		
	Tax systems	Joel Slemrod & Christiah GillitzerGillitzer	MIT Press	2013	
19	Tài chính doanh nghiệp 1	TS. Bùi Hữu Phước	Lưu hành nội bộ	2017	Tài chính doanh nghiệp
	Tài chính doanh nghiệp 2	TS. Bùi Hữu Phước	Tài chính	2022	
	Corporate Finance	Ross, Westerfield, Jaffe	McGraw Hill	2019	
20	Entrepreneurship and innovation	Mazzarol, T., & Reboud, S	Tilde Publishing	2017	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
	Khởi nghiệp kinh doanh: Lý thuyết, quá trình, thực tiễn	Kuratko	Hồng đức	2019	
	Con đường khởi nghiệp	Ries, E.; Đặng Nguyễn Hiếu Trung dịch	Trẻ	2020	
	Tạo lập kế hoạch kinh doanh hoàn hảo	Barrow, C.; Trần thị Bích Nga dịch	Thế giới	2018	
	Entrepreneurship: Theory, process, and practice	Frederick, H., O'connor, A., & Kuratko, D. F.		2020	
21	Kinh tế lượng	Nguyễn Huy Hoàng	Tài Chính	2024	Kinh tế lượng
22	Successful Algorithmic Trading	Michael L.Halls – Moore	Quantstart	2015	Phát triển bền vững
	Introduction to	Baker, J	Open Library	2023	

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	Sustainable Development Goals (SDGs)		Publishing Platform		
	Sustainability and Sustainable Development: An Introduction	Benton-Short, L	Rowman & Littlefield	2023	
	Các tình huống giảng dạy các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs Cases)	Bộ môn Tài chính công		2024	
23	Data Science for Business	Foster Provost and Tom Fawcett	O'Reilly Media	2013	Trí Tuệ Nhân tạo trong kinh doanh
	Data Mining for Business Analytics	Galit Shmueli Peter et al	Wiley	2018	
	<u>Quantitative trading: how to build your own algorithmic trading business</u>	Ernest P. Chan	John Wiley & Sons	2021	
24	Kế toán tài chính 1	TS.Trần Hồng Vân	Tài chính	2024	Kế toán tài chính
	26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (2001-2006)	Bộ Tài chính	Tài Chính	2008	
	Chế độ kế toán doanh nghiệp: Quyển 1,2 Hệ thống tài khoản kế toán (Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp)	Bộ Tài chính	Tài chính	2015	
	Kế toán tài chính	Hồ Xuân Thủy, Chủ biên ... [và những người khác]	Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh	2021	
	Luật kế toán số 88/2015/QH13	Quốc hội	Chính trị Quốc gia - Sự thật	2015	
	Financial Accounting	Agrawal, D. & Yadav, A.K	Thakur Publication Pvt.Ltd	2022	
	Intermediate Accounting: IFRS Edition (Fourth Edition)	Kieso, D.E, Weygand, J.J, Warfield, T.D	John Wiley & Sons, Inc	2020	
25	Tài chính công	TS. Nguyễn Thế Khang và cộng sự	Tài chính	2023	Tài chính công
	Tài chính công	Nguyễn Thị Cảnh chủ biên.	Đại học Quốc gia TP. Hồ	2014	

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
			Chí Minh,		
	Lý thuyết quản lý tài chính công	Hoàng Thị Thúy Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh đồng chủ biên...	Tài chính,	2016	
26	Hành vi người tiêu dùng	Nguyễn Xuân Trường và cộng sự	Thanh niên	2020	Hành vi khách hàng
	Hành vi người tiêu dùng	Vũ Huy Thông	ĐH Kinh Tế Quốc Dân	2022	
	Consumer Behavior: Building Marketing Strategy.	Mothersbaugh, D., Hawkins, D. I.	McGraw-Hill.	2016	
	Consumer Behaviour – Buying, having and being	Solomon, M. R	Pearson	2020	
27	Principles of Auditing and Other Assurance Service	O. Ray Whittington and Kurt Pany	McGraw-Hill	2022	Kiểm toán căn bản
	Principles of Auditing and Other Assurance Services	O. Ray Whittington, Kurt Pany	McGraw-Hill	2022	
	Auditing and assurance services: an integrated approach: 17th edition	Alvin A. Arens, Randal J. Elder, Mark S. Beasley, Chris E. Hogan	Pearson.	2022	
28	Financial Accounting (FA)	BPP Learning Media	BPP Learning Media	2024	Kế toán tài chính theo IFRS; Kế toán tài chính theo IFRS nâng cao
	Financial Accounting (FA) - Practice & Revision Kit	BPP Learning Media	BPP Learning Media	2024	
29	Kế toán công (quyển 1)	Phạm Đức Cường, Nguyễn Hà Linh đồng chủ biên và [những người khác]	Kinh tế quốc dân	2021	Kế toán công
	Kế toán công	Khoa Kế toán Kiểm toán	Lưu hành nội bộ	2024	
	Accounting for Governmental & Nonprofit Entities	Jacqueline L. Reck., Suzanne L. Lowensohn, Daniel G. Neely	Mc GrawHill	2022	
	Government and Not-for-Profit Accounting: Concepts and Practices	Michael H. Granof et al	Wiley	2018	
30	Giáo trình Kế toán tài chính chuyên sâu	PGS. TS Phạm Tiến Đạt (chủ	Tài chính	2024	Kế toán tài chính nâng cao

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		biên), TS Trần Hồng Vân (đồng chủ biên) và cộng sự			
	Wiley 2023 Interpretation and Application of IFRS Standards	PKF International Ltd	John Wiley & Sons, Inc	2023	
31	Kế toán quản trị 1	Dương Hoàng Ngọc Khuê và cộng sự	NXB Tài chính	2023	Kế toán quản trị
32	Managerial accounting: creating value in a dynamic business environment	Ronald W. Hilton, David E. Platt.	McGraw-Hill Education	2023	Kế toán quản trị nâng cao
33	Managerial accounting.	Ray H. Garrison, et al	McGraw-Hill Education	2018	Kế toán quản trị; Kế toán quản trị nâng cao
	Managerial accounting	Ray H. Garrison, Eric W. Noreen, Peter C. Brewer	McGraw-Hill Education	2018	
	Horngren's cost accounting: a managerial emphasis.	Datar, S. M., và Rajan, M. V.	Pearson	2021	
34	Essentials of Forensic Accounting (AICPA)	Michael, A. C., William, S. H., & Richard, S. G., George, R. Y., & Carl, P.	Wiley	2019	Kế toán điều tra
	Auditing Ecosystem and Strategic Accounting in the Digital Era, Global Approaches and New Opportunities	Tamer Aksoy, Umit Hacioglu	Springger Gable	2021	
	Forensic Accounting and Fraud Examination	Kranacher, M., & Riley, R.	Willey	2019	
35	Kiểm toán báo cáo tài chính	Ngô Nhật Phương Diễm và cộng sự	Tài Chính	2024	Kiểm toán nâng cao, Kiểm toán báo cáo tài chính
	Auditing and Assurance	BPP Learning Media	BPP Learning Media	2024	
	Principles of Auditing and Other Assurance Services	O. Ray Whittington, Kurt Pany	McGraw-Hill	2022	

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	Auditing and assurance services: an integrated approach: 17th edition	Alvin A. Arens, Randal J. Elder, Mark S. Beasley, Chris E. Hogan	Pearson.	2022	
36	Data Analytics for Accounting 3rd Edition	Vernon Richardson, Katie Terrell and Ryan Teeter	McGraw-Hill Education	2022	Phân tích dữ liệu trong kế toán
	Bài giảng của giảng viên		Lưu hành nội bộ	2024	
	Accounting information systems	Vernon Richardson and Chengyee Chang and Rod Smith	McGraw-Hill Education, ISBN10: 1259969533	2020	
37	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	Ngô Nhật Phương Diễm và cộng sự	Tài Chính	2022	Khóa luận tốt nghiệp; Thực tập cuối khóa
38	Operational auditing : principles and techniques for a changing world	Hernan Murdock	Taylor & Francis Group	2022	Kiểm toán hoạt động
	Operational Auditing A complete guide	The Art of service – operational Auditing Publishing	The Art of service – operational Auditing Publishing	2021	
39	Financial Reporting (FR)	BPP Learning Media	BPP Learning Media	2024	Lập báo cáo tài chính quốc tế; Lập báo cáo tài chính quốc tế nâng cao
40	Kiểm soát nội bộ	Nguyễn Kim Quốc Trung	Tài chính	2024	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro
	Kiểm soát nội bộ	ĐH Kinh tế TP.HCM	Kinh tế TP.HCM	2016	
41	Kiểm toán nội bộ	PGS. TS Phan Trung Kiên	Đại học Kinh tế Quốc Dân	2022	Kiểm toán nội bộ
	Internal Auditing: An Introduction 7th.	Philna Coetzee, Rudrik du Bruyn, Houdini Fourie, Kato Plant	LexisNexis South Africa.	2023	
	Kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp	Trường ĐH Kinh tế Quốc Dân - TS Phan Trung Kiên	Tài chính	2015	
42	Phân tích tài chính doanh nghiệp	PGS. TS. Hồ Thủy Tiên	Tài chính	2020	Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
	Financial Reporting and Analysis - Using Financial Accounting Information 13th	Charles H. Gibson	Cengage Learning	2020	
	Financial Reporting, Financial Statements - Analysis and Reporting	Felix I. Lessambo	Springer	2022	
	Analysis for Financial Management 13th	Robert C. Higgins	McGraw-Hill	2023	

Nguồn: Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế

2.3.5 Nghiên cứu khoa học

Nhà trường rất quan tâm chú trọng hoạt động nghiên cứu khoa học gắn liền với hoạt động dạy và học nhằm đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo của Trường. Trường đã ban hành các quy định, quy chế liên quan đến Quy chế quản lý thực hiện đề tài, đề án khoa học của Trường Đại học Tài chính - Marketing; Quy định về khuyến khích hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh tại Trường Đại học Tài chính – Marketing; Quy định biên soạn, lựa chọn, thẩm định, xuất bản, phát hành và sử dụng giáo trình, tài liệu học tập của Trường Đại học Tài chính – Marketing; Quy định tổ chức Tọa đàm, Hội nghị, Hội thảo khoa học các cấp tại Trường Đại học Tài chính - Marketing. Số lượng đề tài, đề án được giao thực hiện và số lượng đề tài, đề án được nghiệm thu tăng lên đáng kể; đặc biệt số lượng đề tài, đề án được nghiệm thu, thanh lý đúng hạn đã tăng lên. Bên cạnh đó, tất cả giảng viên Khoa Kế toán – Kiểm toán đều có giờ nghiên cứu khoa học đạt quy định, có nhiều giảng viên công bố khoa học được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín. Ngoài ra, Khoa Kế toán – Kiểm toán có nhiều kinh nghiệm trong việc biên soạn ngân hàng đề thi, tài liệu học tập, giáo trình và bài giảng trực tuyến.

Bảng 2.19. Số lượng công bố của Khoa Kế toán – Kiểm toán giai đoạn 2019-2024

Năm	Số bài báo quốc tế	Số bài báo trong nước	Số bài hội thảo khoa học các cấp
2019	20	08	15
2020	23	10	23
2021	18	6	25
2022	25	21	40
2023	21	35	39
2024	12	16	11

Nguồn: Báo cáo tổng kết Khoa Kế toán – Kiểm toán, 2019-2024

Bảng 2.20: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Kiểm toán

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)
1	1324/QĐ-ĐHTMC, 09/7/2021, CS-23-21	Cấp cơ sở	Vai trò của giám đốc điều hành đối với quản trị lợi nhuận tại các công ty niêm yết ở Việt Nam	Ngô Nhật Phương Diễm	1922/QĐ-ĐHTCM, 05/12/2021	18/11/2021	Đạt	Trương Thảo Nghi, (Kế toán quản trị)
2	1589/QĐ-ĐHTMC, 30/6/2023, CS-08-23	Cấp cơ sở	Tác động của độ tin cậy báo cáo tài chính đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Kim Quốc Trung	739/QĐ-ĐHTCM, 28/03/2024	06/04/2024	Đạt	Trần Hồng Vân, (Kế toán tài chính) Nguyễn Thị Ngọc Oanh, (Kiểm toán nâng cao) Nguyễn Minh Hằng, (Kế toán tài chính theo IFRS)
3	1589/QĐ-ĐHTMC, 30/06/2023, CS-13-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Kiều Oanh	3225/QĐ-ĐHTCM, 27/11/2024	06/12/2024	Đạt	Ngô Thị Mỹ Thúy, (Kế toán tài chính nâng cao) Võ Thị Trúc Đào, (Kế toán tài chính) Vương Thị Thanh Nhân (Nguyên lý kế toán) Chu Thị Thương

STT	Số quyết định, ngày phê duyet đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)
								(Nguyên lý kế toán)
4	1589/QĐ- ĐHTMC, 30/6/2023, CS-14-23	Cấp cơ sở	Ảnh hưởng của hệ thống hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp (ERP) đến thực hiện kế toán quản trị trong các công ty niêm yết tại Thành phố Hồ Chí Minh	Dương Thị Thùy Liên	1738/ QĐ- ĐHTCM, 01/07/2024	19/08/2024	Đạt	Dương Hoàng Ngọc Khuê (Kế toán điều tra) Trần Thị Phương Lan (Kế toán quản trị nâng cao) Ung Hiền Nhã Thị, (Kiểm toán báo cáo tài chính) Tạ Thị Thu Hạnh, (Kế toán tài chính)
5	1589/QĐ- ĐHTMC, 30/6/2023, CS-16-23	Cấp cơ sở	Ảnh hưởng của các nhân tố thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ đến chất lượng báo cáo tài chính tại các đơn vị hành chính sự nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh	Võ Thị Trúc Đào	3224/ QĐ- ĐHTCM, 27/11/2024	20/01/2025	Đạt	Trần Hồng Vân (Kế toán tài chính nâng cao) Nguyễn Thị Kiều Oanh (Kế toán tài chính) Phan Thị Bích Ngọc, (Kiểm soát nội bộ và quản trị

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)
								rủi ro) Võ Thị Thu Hà (Kế toán tài chính)
6	1589/QĐ-ĐHTMC, 30/6/2023, CS-15-23	Cấp cơ sở	Tác động của nhân tố tổng hợp đại diện quản trị công ty đến minh bạch công bố thông tin tài chính ở các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Trương Thảo Nghi	1631/QĐ-ĐHTCM, 20/06/2024	28/06/2024	Đạt	
7	824/QĐ-ĐHTMC, 22/3/2022, CS-33-22	Cấp cơ sở	Mối quan hệ giữa kế toán thận trọng và tập trung quyền sở hữu: Vai trò điều tiết của tính độc lập hội đồng quản trị	Nguyễn Thị Minh Hằng	2241/QĐ-ĐHTCM, 07/09/2023	11/09/2023	Đạt	Ngô Nhật Phương Diễm (Kiểm toán)

Bảng 2.21. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến Ngành Kiểm toán của Trường trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Ngo Nhat Phuong Diem and Le Tuan Hiep (2024), Corporate Social Responsibility Impact on Tax Avoidance: Empirical Evidence from Vietnam, International Journal of Professional Business review, Volume 8 - Issue 2, 2023, PP 01 -18	
2	Ngô Nhật Phương Diễm, 2024, Quyền lực giám đốc điều hành có ảnh hưởng đến công bố trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp? Bằng chứng tại Việt Nam, Kinh tế & Phát triển, Volume 311 – Issue 2, 2023, PP 69-76	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
3	Ngô Nhật Phương Diễm, 2024, Tác động của cơ cấu sở hữu đến tránh thuế: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam, Tạp chí tài chính Kỳ 1 tháng 5/2024	
4	Ngô Nhật Phương Diễm, 2025, Tác động của quản trị công ty đến tính thận trọng trong kế toán tại các công ty niêm yết: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam, Tạp chí Kinh tế phát triển Số 331 tháng 1/2025	
5	Ngô Nhật Phương Diễm, Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, Dương Hoàng Ngọc Khuê, Chu Thị Thương, Trương Thảo Nghi, Nguyễn Thị Bích Nhi, 2021, Ban kiểm soát và quản trị lợi nhuận: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing, Volume 64 – Issue 2, 2021, PP 103-113	
6	Ngô Nhật Phương Diễm, 2024, Ảnh hưởng của quản trị công ty đến hiệu quả tài chính: nghiên cứu tại các công ty niêm yết ở Việt Nam, Tạp chí khoa học thương mại, Số 191, 2024, PP 3-14	
7	Nguyen Kim Quoc Trung, Nguyen Minh Hang, Tran Hong Van, Nguyen Thi Ngoc Oanh, Le Văn Tuan (2024), Financial statements' reliability affects firms' performance: A case of Vietnam, Journal of Eastern European and Central Asian Research, Volume 11 – Issue 1, 2024, PP 143 - 155	
8	Nguyễn Kim Quốc Trung, 2021, Determinants of small and medium-sized enterprises performance: The evidence from Vietnam, Cogent Business & Management, Volume 8 – Issue 1, 2021	
9	Nguyễn Kim Quốc Trung, 2021, Determinants of bank performance in Vietnamese commercial banks: an application of the camels model, Cogent Business & Management, Volume 8 – Issue 1, 2021	
10	Nguyen Kim Quoc Trung, 2024, Corporate governance, corporate social responsibility and bank performance in Vietnam with mediators, Cogent Business & Management, Volume 11 – Issue 1, 2024, PP	
11	Phạm Tiến Đạt và Nguyễn Kim Quốc Trung, 2023, Credit risk management and effectiveness of credit activities: Evidence from Vietnam, Journal of Eastern European and Central Asian Research, Volume 10 – Issue 5, 2023, PP 788 - 799	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
12	Ngo Thi Hong Giang (2023), Situation of Labor Quality in Industrial Parks in Dong Nai Province in the Context of Green Growth, International Journal of Latest Research in Humanities and Social Science (IJLRHSS), Volume 06 - Issue 11, 2023, www.ijlrhss.com PP. 255-261	
13	Dương Hoàng Ngọc Khuê, 2022, Ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả hoạt động của cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, Số tháng 6, 2022, PP 121 - 126	
14	Dương Hoàng Ngọc Khuê, Nguyễn Thị Ngọc Oanh, Ung Hiên Nhã Thi, 2021, Tích hợp IFRS vào chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán, kiểm toán của trường Đại học Tài chính – Marketing, Tạp chí nghiên cứu Tài chính – Marketing, Số 57 (3), 2021	
15	Dương Hoàng Ngọc Khuê, 2024, Đo lường mức độ công bố thông tin phi tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2020, Tạp Chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing, Volume 14 – Issue 4, 2023, PP 54 - 63	
16	Trương Thảo Nghi and Nguyen Van Cong, 2024, The impact of the board of directors and the audit committee on the transparency of financial information of companies listed in a frontier market – Heliyon, Volume 10 – Issue 22, 2024, PP	
17	Trương Thảo Nghi, Tác động của hội đồng quản trị đến hiệu quả hoạt động tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán (kỳ 2 tháng 7 (số 268) - 2024	
18	Trương Thảo Nghi và Ngô Nhật Phương Diễm, 2024, Tác động từ hiệu quả hoạt động đến minh bạch trong công bố thông tin tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, Tạp chí Tài chính,	
19	Trương Thảo Nghi, 2024, Ảnh hưởng của minh bạch công bố thông tin tài chính đến hiệu quả hoạt động tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán Kỳ 2 tháng 8 (số 270) - 2024	
20	Phạm Thị Xuân Thảo và Trương Mỹ Liên, 2024, Tác động của đặc điểm chủ tịch hội đồng quản trị đến hành vi quản trị lợi nhuận tại các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tạp chí nghiên cứu Tài chính – Marketing,	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Volume 15 – Issue 9, 2024, PP 75-90	
21	Ngô Thị Mỹ Thúy và Nguyễn Thị Kim Huệ, 2024, Nâng cao chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Số 12 (4), 2022, PP 103-112	
22	Phạm Huỳnh Lan Vi, Trần Hồng Vân và Lương Thị Thanh Việt, Factors affecting the effectiveness of internal audit at non-business units in Vietnam, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing, Volume 15 – Issue 08, 2024, PP 99-110	
23	Chu Thị Thương, Nguyễn Thị Minh Hằng, Phan Thị Huyền, Lê Văn Tuấn, Phan Thị Bích Ngọc, 2022, Mối quan hệ giữa tin học hóa kế toán và hiệu quả công việc của nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí nghiên cứu Tài chính – Marketing, Volume 70, 2022,	
24	Chu Thị Thương, Nguyễn Thị Minh Hằng, Phan Thị Huyền, Lê Văn Tuấn, Phan Thị Bích Ngọc, 2022, Mối quan hệ giữa tin học hóa kế toán và hiệu quả công việc của nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí nghiên cứu Tài chính – Marketing, Volume 70, 2022,	
25	Nguyễn Thị Minh Hằng, Tô Anh Thơ, Phan Thị Huyền, Ngô Nhật Phương Diễm và Hồ Thị Thu Hồng, 2023, Ownership Concentration and Accounting Conservatism: The Moderating Role of Board Independence, Emerging Science Journal, Volume 7 – Issue 1, 2023, PP 90 - 101	
26	Nguyễn Thị Minh Hằng và cộng sự, 2024, Model-based evaluation for online food delivery platforms with the probabilistic double hierarchy linguistic EDAS method, Journal of the Operational Research Society, Volume 75 – Issue 7, 2024	
27	Nguyễn Thị Minh Hằng và cộng sự, 2024, A new hybrid Pythagorean fuzzy AHP and COCOSO MCDM based approach by adopting artificial intelligence technologies, Journal of Experimental & Theoretical Artificial Intelligence, Volume 36 – Issue 7, 2024	
28	Võ Thị Trúc Đào, Trần Hồng Vân, và Võ Thị Thu Hà, The influence of factors in the internal control system on financial reporting quality at administrative and public service units in Vietnam , Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing, Volume	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	15 – Issue 5, 2024, PP 74 - 87	
29	Võ Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Trần Hồng Vân và Võ Thị Trúc Đào, Mối quan hệ giữa quản lý tài chính và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing, Volume 13 – Issue 5, 2022, PP 70-78	
30	Nguyễn Thị Kiều Oanh, Phan Thị Bích Ngọc, Hồ Văn Cương, Factors affecting the intention to adopt cloud accounting software in small and medium enterprises in Ho Chi Minh City , Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing, Volume 14, issue 5, 2024, PP 129 - 142.	
31	Nguyen, Q., & Nguyen, C. V. (2022). An analysis of the relationship between ICT infrastructure and international tourism demand in an emerging market. Journal of Hospitality and Tourism Technology, 13(5), 992-1008.	
32	Nguyễn Thị Ngọc Oanh, Nguyễn Kim Quốc Trung, Nguyễn Thị Kim Chi, Trần Xuân Hằng, Ung Hiền Nhã Thi, Dương Thị Thùy Liên, Nguyễn Minh Hằng, 2021, International Journal of Economics and Finance studies, Volume 12 – Issue 1, 2021, PP 284-317	
33	Vương Thị Thanh Nhân và cộng sự, 2023, Accounting Information Security Control and Satisfaction of Accountants Regarding Accounting Information Systems, Emerging Science Journal, Volume 7 – Issue 5, 2023, PP 1534 - 1550	
34	Trần Văn Hùng (2022), Tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2010 – 2020, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Kinh tế-Luật và Quản lý, 6(3), trang, 1-9	
35	Trần Văn Hùng, Lê Thị Mai Hương (2022), Năng suất lao động của Việt Nam: So sánh với các quốc gia trong khu vực ASEAN, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, Số 73 (83), trang 10-17	
36	Trần Văn Hùng (2021), So sánh chất lượng nguồn nhân lực việt nam với các quốc gia trong khu vực Asean, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, Số 09 (100), trang 73-86	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
37	Trần Văn Hùng (2021), Tình hình an ninh tài chính ở Việt Nam, Tạp chí nghiên cứu Kinh tế, Số 9 (520), trang 39-50.	
38	Trương Thị Mỹ Liên và Phạm Thị Xuân Thảo, 2024, Năng lực đổi mới ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Vai trò trung gian của hệ thống thông tin kế toán quản trị, Tạp chí nghiên cứu Tài chính – Marketing, 15(7), 2024, PP 124-136	
39	Phạm Thị Kim Thanh và Nguyễn Thị Thanh Hiền, 2024, Quảng cáo trên mạng xã hội trong giáo dục đại học tại Việt Nam: Đánh giá tác động, cơ hội và thách thức - Tên tạp chí: Tạp chí Công Thương	
40	Trần Thị Phương Lan, 2023, Firm innovation, supply chain management and performance in social responsibility orientation to protect the forest QĐ 699/QĐ-ĐHTCM - Tên tạp chí: Annals of Forest Research	

2.3.5. Hợp tác quốc tế

Về hợp tác quốc tế, Trường ký kết hợp tác với Trường Đại học Help-Malaysia đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh; Trường Đại học Concord (Hoa Kỳ); Trường Đại học Bắc Arizona (Hoa Kỳ),... Ngoài ra, Trường còn có mối liên kết hợp tác với nhiều cơ sở giáo dục nước ngoài khác như Đại học UCSI (Malaysia), Trường Đại học Leeds Beckett (LBU), Công ty Công nghệ giáo dục Upgrad, Viện Lithan Singapore và công ty Study Guide. Trong tình hình dịch bệnh kéo dài thời gian qua, Trường đã tổ chức làm việc trực tuyến với nhiều trường đại học nước ngoài và các tổ chức quốc tế xây dựng mối hợp tác liên kết trong trao đổi giảng viên, sinh viên, hợp tác trong đào tạo, trong nghiên cứu khoa học. Làm việc với Cơ quan giáo dục của các nước có Lãnh sự quán tại Thành phố Hồ Chí Minh. Làm việc với Đại học UCSI để triển khai các chương trình đã ký thỏa thuận hợp tác 2 bên và đẩy mạnh thỏa thuận về trao đổi giảng viên, sinh viên và chương trình nghiên cứu phối hợp để đăng bài trên các tạp chí quốc tế Emerald.

Bảng 2.22 Hội thảo/Hội nghị quốc tế đã tổ chức trong 5 năm qua

Năm	Số kế hoạch	Tên chủ đề hội thảo	Cấp	Ghi chú
2024	304/TB-ĐHTCM, ngày 30/01/2024	Business based on Digital Platform (BDP-4)	Quốc tế	Chủ trì
2023	284/KH-ĐHTCM ngày 22/02/2023	Business based on Digital Platform (BDP-3)	Quốc tế	Chủ trì
2023	464/KH-ĐHTCM-QLKH, ngày 16/3/2023	Finance and Accounting for the Promotion of Sustainable Development in the Private Sector" (FASPS5)	Quốc tế	Phối hợp
2022	493/ĐHTCM-QLKH, ngày 28/3/2022	Marketing in the connectedage - MICA2022	Quốc tế	Phối hợp
2022	12/KH/ĐHTCM, ngày 07/01/2022	Business based on Digital Platform - BDP-2 (Kinh doanh trên nền tảng công nghệ số), lần 2	Quốc tế	Chủ trì
2021	1083/KH-ĐHTCM, ngày 15/10/2021	Business based on Digital Platform - BDP2021 (Kinh doanh trên nền tảng công nghệ số)	Quốc tế	Chủ trì
2021	1082/KH-ĐHTCM, ngày 15/10/2021	Finance – Accounting for promoting Sustainable Development in Private Sector - FASPS (Tài chính – kế toán thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển), lần 3	Quốc tế	Phối hợp
2020	CV477/ĐHT CM-QLKH, ngày 20/5/2020	Phát triển kinh tế và kinh doanh bền vững trong điều kiện toàn cầu hóa (lần thứ 3) (SEDBM)	Quốc tế	Phối hợp

Năm	Số kế hoạch	Tên chủ đề hội thảo	Cấp	Ghi chú
2020	1803/KH-ĐHTCM, ngày 03/12/2020	Tài chính – Kế toán thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển nhanh và bền vững (lần thứ 2) (FASPS)	Quốc tế	Phối hợp
2018	1862/QĐ-ĐHKT ngày 19/9/2018	Marketing in the connected age – MICA 2018	Quốc tế	Phối hợp

Nguồn: Phòng Quản lý khoa học

2.3.6. Hợp tác doanh nghiệp

Nhà trường phối hợp với các Khoa, Viện đào tạo ký kết hợp tác với hơn 35 doanh nghiệp thuộc hầu hết các lĩnh vực đào tạo của Trường. Công tác đào tạo theo định hướng ứng dụng, thực hành, thực tập và cơ hội việc làm cho người học theo từng vị trí ngành nghề đào tạo luôn nhận được sự quan tâm của Nhà trường. Để triển khai các hoạt động hỗ trợ tham quan trải nghiệm thực tế, thực hành, thực tập và các buổi hội thảo chuyên đề phù hợp với Ngành Kiểm toán, Nhà trường đã hợp tác với các đơn vị như: Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Tiền Giang, Học Viện Tài chính, Viện Nghiên cứu Chiến lược chính sách công thương, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển (HD Bank), Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA, Viện Kế toán công chứng Anh và xứ Wales, Công ty Cổ phần RS2, Công ty Cổ phần Fujinet Sytem, Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn, Công ty Cổ phần Chuỗi thực phẩm TH, Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình, Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán KTC – Chi nhánh Tp. HCM, ... Công tác hợp tác bao gồm trao đổi các nội dung về chương trình giảng dạy, báo cáo chuyên đề, tham gia hội thảo, tham quan trải nghiệm, thực tập, ... được Nhà trường và các đơn vị phối hợp tổ chức dần đi vào nề nếp, hoàn thiện và ngày một cải tiến nhằm đảm bảo chương trình bám sát nội dung đào tạo theo từng lĩnh vực.

2.3.7. Hợp tác đào tạo thực hành, thực tập đối với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Trường phù hợp kế hoạch giảng dạy, học tập nghiên cứu khoa học toàn khóa

Tùy vào kế hoạch giảng dạy từng khóa học, Nhà trường sẽ triển khai hoạt động thực hành, thực tập cần thiết phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học và kế hoạch giảng dạy của khóa học. Nhà trường sẽ triển khai công tác giới thiệu cho người học các chương trình hoạt động của các doanh nghiệp như chương trình thực tập viên tiềm năng, quản trị viên tiềm năng thông qua website của các đơn vị, fanpage, cổng thông tin việc làm của Nhà trường. Công tác giới thiệu đơn vị thực hành, thực tập (nếu người học có nhu cầu) cũng được Nhà trường quan tâm, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ từ Trung tâm đến các Khoa chuyên môn cập nhật thường xuyên thông qua các kênh thông tin truyền thông của Nhà trường. Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT về Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 18 tháng 03 năm 2021. Các hoạt động nghiên cứu khoa học giữa sinh viên và giảng viên hướng dẫn được triển khai theo mục đích, nội dung và chuyên môn, nghiệp vụ của người học. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và có sản phẩm được công bố trên các tạp chí uy tín liên quan đến đề tài tốt nghiệp được xem xét cộng điểm vào bài khóa luận tốt nghiệp, theo quyết định của hội đồng đánh giá khóa luận tốt

ng nghiệp nếu đạt yêu cầu.

2.4. Mục tiêu phát triển ngành đào tạo ngành Kiểm toán trình độ đại học

- Ngành Kiểm toán dự kiến tuyển sinh từ năm 2025. Quy mô tuyển sinh năm đầu là 100 sinh viên. Các năm sau tùy theo năng lực tuyển sinh nhà trường xác định và tùy theo nhu cầu xã hội.

- Mục tiêu đào tạo: Ngành Kiểm toán nhằm trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế – xã hội, quản lý, kinh doanh; cùng kiến thức toàn diện và chuyên sâu về kiểm toán. Người học sẽ sẵn sàng làm tốt công tác kiểm toán, kế toán trong mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; có khả năng nghiên cứu khoa học, tư duy sáng tạo, và ứng dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ vào công việc chuyên môn; có ý thức học tập và tiếp tục nghiên cứu ở các cấp học cao hơn hoặc theo học các chương trình để được cấp các chứng chỉ nghề nghiệp; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, khả năng độc lập và thích ứng với sự thay đổi của kinh tế - xã hội.

- Kế hoạch và số lượng tuyển sinh: Theo quy định của Nhà trường, dự kiến mỗi năm tuyển sinh 100 người học.

2.5. Giải pháp và lộ trình thực hiện:

2.5.1. Giải pháp và lộ trình xây dựng đề án mở ngành, xây dựng chương trình đào tạo

- Từ tháng 09-11/2024: Triển khai xây dựng đề án.
- Từ tháng 12/2024: hoàn thiện đề án.
- Từ tháng 01/2025: xây dựng chương trình đào tạo.
- Tháng 3/2025: Nghiệm thu và hoàn thiện.
- Tháng 9/2025: Tuyển sinh.

2.5.2. Nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu:

Trường luôn luôn chú trọng việc đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Trải qua hơn 45 năm hình thành và phát triển, cơ sở đào tạo của Trường nói chung đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hoàn thiện công tác bảo hành, bảo dưỡng các trang thiết bị; tăng ngân sách đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị, đảm bảo Trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có kế hoạch cải tiến trong công tác quản lý hệ thống tài liệu khoa học; bổ sung nguồn tài liệu in ấn và tài liệu số chuyên ngành sách/giáo trình tiếng Anh; tăng cường nguồn tài liệu in ấn và tài liệu số ngành Kiểm toán và sách/giáo trình tiếng Anh. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tại Thư viện, triển khai liên kết với các thư viện đại học có cùng chuyên ngành đào tạo để chia sẻ, trao đổi tài nguyên thông tin. Thiết kế, bố trí môi trường và nơi học tập hiệu quả cho người học.

2.5.3. Nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo

Nhà trường luôn coi trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy: Đội ngũ giảng viên của Trường thường xuyên cập nhật kiến thức mới của các môn học thông qua việc tham khảo các giáo trình, tài liệu trong và ngoài nước, làm chủ nhiệm hoặc tham gia vào các đề tài cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước. Thêm vào đó, Trường cũng tạo điều kiện

tổ chức các lớp tập huấn nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng sư phạm cũng như trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên. Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, giảng viên đến lớp phải có đủ bài giảng và bài tập thực hành giao cho học viên, dành thời gian quy định để học viên trao đổi, đặt câu hỏi về những vấn đề liên quan đến môn học.

Nhà Trường luôn coi trọng khâu tuyển dụng và thu hút nhân tài: Tiếp tục rà soát các chính sách thu hút giảng viên có học vị tiến sĩ trở lên, các thạc sĩ tốt nghiệp ở nước ngoài; khuyến khích đội ngũ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác của giảng viên. Đối với đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo, tiếp tục chính sách bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần ngành và chuyên ngành, chuyên sâu.

2.5.4 Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo

Dự kiến sẽ thực hiện đánh giá kiểm định chương trình đào tạo ngành Kiểm toán sau khi có sinh viên tốt nghiệp.

a) Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo

Thực hiện theo kế hoạch năm học, trung hạn và dài hạn về hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường với các trường đại học nước ngoài, tổ chức quốc tế về các nội dung này và theo các chuyên ngành, đặc biệt trong lĩnh vực Kiểm toán.

b) Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp

Đối với các đơn vị có nhu cầu đào tạo cán bộ trình độ đại học ngành Kiểm toán, Nhà trường sẽ thực hiện việc chủ trì và phối hợp đào tạo với đơn vị theo yêu cầu trên cơ sở đảm bảo chất lượng theo chuẩn đầu ra về trình độ đại học ngành Kiểm toán được phê duyệt. Mỗi khóa sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể và quy chế phối hợp giữa hai bên để kế hoạch đảm bảo được thực hiện tốt nhất. Trường tiếp tục phát huy và giao nhiệm vụ cho Khoa chuyên môn tăng cường triển khai các buổi tọa đàm và tham quan thực tế cơ quan, đơn vị để chia sẻ thực trạng phát triển về Kiểm toán của Việt Nam hiện nay.

Mức học phí/người học/năm học, khoá học: Theo quy định chung của Trường về đào tạo sau đại học đối với trình độ đại học.

2.6. Phòng ngừa và xử lý rủi ro mở ngành đào tạo đại học ngành Kiểm toán

- Trong quá trình triển khai đào tạo ngành Kiểm toán nếu có những bất trắc xảy ra như thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng sẽ chuyển sang kết hợp giữa hình thức đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến; hoặc theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro trong quá trình triển khai đào tạo ngành Kiểm toán, nếu có những bất trắc xảy ra như đình chỉ mở ngành, Trường cam kết thực hiện các biện pháp và chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi của người học, cụ thể như sau:

(i) Chuyển người học sang học tập tại một số cơ sở đào tạo phía Nam có đào tạo ngành Kiểm toán; (ii) Hoàn trả học phí cho người học đã nộp đối với các học phần chưa triển khai đào tạo; (iii) Cho phép người học được bảo lưu theo nguyện vọng cá nhân trong thời gian quy định của thời hạn đào tạo Khóa học cho đến khi Trường được phép đào tạo lại;

- Trong quá trình triển khai đào tạo ngành Kiểm toán, nếu có những rủi ro xảy ra phải tăng mức học phí, Khoa Kế toán – Kiểm toán sẽ đề xuất với Nhà trường về phương án ổn định học phí cho người học theo niên độ ít nhất mỗi kỳ là 1 năm và khuyến khích cho học viên có kết quả từ khá tốt trở lên để tạo điều kiện cho người học an tâm học tập.

Trường Đại học Tài chính – Marketing đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ phó giáo sư, tiến sĩ, các chuyên gia, cơ sở vật chất, chương trình và kế hoạch đào tạo cần thiết để đào tạo đại học ngành Kiểm toán. Phần lớn cán bộ giảng viên, người cần học đang cư trú trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và khu vực lân cận, từ đó thu hút được người cần đào tạo. Bên cạnh đó, chi phí học tập, dịch vụ khác, các phòng học, thư viện và tài liệu có sẵn, thuận lợi sẽ giúp cho người học có nhiều thời gian nghiên cứu. Thời gian tiếp cận trao đổi với giảng viên cũng là một trong những thế lợi của việc đào tạo đúng ngành tại chỗ. Việc mở ngành Kiểm toán trong điều kiện Nhà trường là hết sức cần thiết và phù hợp. Phát huy những điểm mạnh, khắc phục hạn chế với kinh nghiệm hơn 18 năm đào tạo bậc đại học, Nhà Trường cam kết đảm bảo các điều kiện về nguồn lực, cơ sở vật chất, tài chính và con người, đồng thời thực hiện theo quy định hiện hành của các cơ quan Ban, Ngành về điều kiện mở ngành; Tổ chức, triển khai đào tạo chương trình ngành Kiểm toán theo phương châm luôn đặt lợi ích trọng tâm người học lên hàng đầu vì mục tiêu cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao./.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC MỞ NGÀNH KIỂM TOÁN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Nhà trường đã thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Kiểm toán theo Quyết định số 152/QĐ-ĐHTCM ngày 17/01/2025.

Chương trình đào tạo được xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Kiểm toán được thành lập theo Quyết định số 251/QĐ-ĐHTCM ngày 17/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing. Chương trình đào tạo đã được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua ngày 20/02/2025. Đồng thời, Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua ngày 28/02/2025.

Chương trình đào tạo đã được ban hành theo Quyết định số 652/QĐ-ĐHTCM ngày 13/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

KẾT LUẬN

Trường Đại học Tài chính – Marketing đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ phó giáo sư, tiến sĩ, các chuyên gia, cơ sở vật chất, chương trình và kế hoạch đào tạo cần thiết để đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán. Mở ngành Kiểm toán trình độ đại học là phù hợp với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, cũng như phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước. Bên cạnh đó, chi phí học tập, dịch vụ khác, các phòng học, thư viện và tài liệu có sẵn, thuận lợi sẽ giúp cho người học thuận tiện trong học tập và nghiên cứu. Như vậy, việc mở ngành Kiểm toán trình độ đại học trong điều kiện Nhà trường là hết sức cần thiết và phù hợp. Phát huy những điểm mạnh, khắc phục hạn chế với kinh nghiệm đào tạo, Nhà trường cam kết đảm bảo các điều kiện về nguồn lực, cơ sở vật chất, tài chính và con người, đồng thời thực hiện theo quy định hiện hành của các cơ quan Ban, Ngành về điều kiện mở ngành; Tổ chức, triển khai đào tạo chương trình đại học ngành Kiểm toán theo phương châm luôn đặt lợi ích trọng tâm người học lên hàng đầu vì mục tiêu cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao./.